

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(01/01/2010 - 31/12/2010)



GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA COMECO

Hoài bão:

“COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”

Tầm nhìn:

“Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam
(trực chính là xăng dầu)”

Sứ mệnh:

“Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu”

Bản sắc Văn hóa:

“Bản sắc nhân văn – Đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

Slogan:

“COMECO vì khách hàng phục vụ”



- Giọt dầu làm biểu tượng;
- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;
- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;
- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tấm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;
- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững

Triết lý Kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Thái độ với khách hàng và đối tác:

“Chuyên nghiệp – Hợp tác – Win win”

Thái độ đối với công việc:

“Trách nhiệm – Sáng tạo – Hiệu quả”

Thái độ đối với đồng nghiệp:

“Tôn trọng – Công bằng – Chia sẻ”

Thái độ đối với cổ đông và nhà đầu tư:

“Tin cậy – Công khai – Minh bạch”

Thái độ đối với cộng đồng và xã hội:

“Bảo vệ sức khỏe – Giữ gìn môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ COMECO

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng; Xây dựng Văn hóa COMECO với phương châm :

“COMECO vì khách hàng phục vụ”

2. Đa dạng hóa ngành hàng (trực chính là xăng dầu), trên tinh thần sáng tạo, linh hoạt, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực và hệ thống thông tin.

3. Xây dựng và phát triển COMECO trở thành :

“Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”.

Chính sách này đảm bảo người lao động COMECO thấu hiểu, thực hiện trên tinh thần tuân thủ pháp luật.

CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty	: Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu (COMECO)
- ĐHĐCĐ	: Đại Hội Đồng Cổ Đông
- HĐQT	: Hội đồng Quản trị
- BKS	: Ban Kiểm soát
- TGD	: Tổng Giám đốc
- CBCNV	: Cán bộ, công nhân viên
- NLĐ	: Người lao động
- VDL	: Vốn điều lệ
- CHXD	: Cửa hàng xăng dầu COMECO
- CNXD	: Chi nhánh xăng dầu COMECO (CHXD)
- LNST	: Lợi nhuận sau thuế
- HTQTCLTD	: Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện
- VP	: Văn phòng
- CP	: Cổ phiếu



Trụ sở chính của COMECO
Tầng 7, 8, 9 Tòa nhà COMECO, số 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, TP.HCM



Bà Trương Đức Hạnh, CT.HĐQT - TGD Công ty COMECO (đứng giữa)
cắt băng khánh thành cao ốc Văn phòng COMECO
cùng với ông Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên TƯ Đảng, CT Tổng Liên đoàn Lao động VN (thứ 3 từ trái)
và bà Nguyễn Thị Hồng, Thành ủy viên - Phó CT. UBND Tp.HCM (thứ 3 từ phải).

MỤC LỤC

Thư gửi cổ đông của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Thông tin chính về COMECO	4
Phần 1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
I. Những sự kiện quan trọng	6
II. Quá trình phát triển	6
III. Định hướng phát triển	12
Phần 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	15
I. Cơ cấu tổ chức của Công ty	16
II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, Ban TGD và BKS	17
III. Số lượng CBCNV và chính sách đối với NLĐ	20
Phần 3. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2010	24
II. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2010	25
III. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010	25
IV. Các rủi ro lớn và biện pháp phòng ngừa	26
V. Triển vọng và kế hoạch năm 2011	27
Phần 4. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	29
I. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010	30
II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010	33
III. Những tiến bộ Công ty đã đạt được năm 2010	34
IV. Kế hoạch phát triển năm 2011	35
Phần 5. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Báo cáo của BKS)	37
Phần 6. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	41
Phần 7. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
I. HĐQT và BKS	48
II. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	53
III. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2010	54
IV. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội của COMECO trong năm 2010	56
Phần 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010	57
Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO	80
Hệ thống Đại lý xăng dầu của COMECO	81



“...với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty, đồng thời với sự hỗ trợ và hợp tác của các đối tác chiến lược, của các cổ đông, với cơ cấu dịch vụ ngày càng đa dạng COMECO sẽ tiếp tục khẳng định được vị thế của mình trên thị trường Việt Nam và khu vực.”

Bà Trương Đức Hạnh
Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO



Thư gửi cổ đông

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2010 đã trôi qua, nền kinh tế thế giới mặc dù đã có dấu hiệu phục hồi, song vẫn còn nhiều biến động bất thường do chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng kinh tế. Tình hình kinh tế trong nước mặc dù đã có sự tăng trưởng, song vẫn còn nhiều khó khăn; thị trường tài chính, tiền tệ tuy có các chính sách ưu đãi, cởi mở hơn nhưng nhìn chung các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn trong việc tiếp xúc với các nguồn vốn. Mặt khác, giá cả các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là giá xăng dầu liên tục biến động, thị trường bất động sản hoạt động không ổn định đã ảnh hưởng bất lợi tới sự phát triển của Công ty COMECO.

Bằng sự nỗ lực, sáng tạo và đầy trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn, thử thách; đã và đang phát triển mạnh mẽ về mọi mặt trên con

đường hướng đến một **“COMECO - Thương hiệu của Chất lượng dịch vụ”**; được khách hàng và các đối tác tín nhiệm, xã hội thừa nhận. Trong những năm vừa qua, COMECO đã từng bước khẳng định Thương hiệu uy tín chất lượng trên thị trường Việt Nam và Quốc tế, với **Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008** đã nâng cao tính chuyên nghiệp hóa và tạo ra những sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao. Đây cũng chính là động lực để COMECO tham gia và khẳng định vị thế của mình trên thị trường khu vực và thế giới.

Với mục tiêu đề ra trong năm 2011, Công ty COMECO sẽ tập trung đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới kinh doanh bán lẻ xăng dầu, phát triển các ngành nghề kinh doanh mới, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại; đồng thời tăng cường và củng cố lĩnh vực kinh doanh truyền thống - thế mạnh của COMECO là kinh doanh xăng dầu.



Bước sang năm 2011, nhận thức tình hình kinh tế trong nước và quốc tế diễn biến còn nhiều khó khăn, COMECO sẽ quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra. HĐQT và Ban Điều hành sẽ tiếp tục cân đối các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính, đổi mới các phương thức thực hiện nhằm tối ưu hóa các nguồn vốn của Công ty, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa ở hai lĩnh vực kinh doanh chính là xăng dầu và kinh doanh bất động sản, tái cấu trúc các danh mục đầu tư, hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình mới và nâng cao tính hiệu quả của HTQTCLTD (ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007, Công cụ Nâng cao Năng suất Lao động 5S và 7 Tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á-Thái Bình Dương), tiến tới đưa COMECO trở thành **“Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam (trực chính là xăng dầu)”** vào năm 2020. HĐQT xác định mục tiêu hiện tại cũng như lâu dài; xăng dầu vẫn là ngành hàng kinh

doanh mũi nhọn của Công ty, là nền tảng để phát triển các ngành nghề kinh doanh khác; vì vậy, việc nâng cao chất lượng phục vụ vừa là thể hiện bản sắc Văn hóa COMECO, vừa là động lực để phát triển Thương hiệu và mở rộng thị trường, đồng thời đây cũng chính là Hoài bão của COMECO.

HĐQT và Ban Điều hành COMECO tin tưởng rằng, với sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty, đồng thời với sự hỗ trợ và hợp tác của các đối tác chiến lược, của các cổ đông, với cơ cấu dịch vụ ngày càng đa dạng COMECO sẽ tiếp tục khẳng định được vị thế của mình trên thị trường Việt Nam và khu vực. Đồng thời, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới sự tin tưởng của các Quý cổ đông, sự năng động, sáng tạo của Ban Điều hành và đặc biệt là sự tận tâm, năng nổ, linh hoạt của tập thể CBCNV Công ty, đã đoàn kết nhất trí để đưa COMECO tiến lên một tầm cao mới.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trưởng Đức Hạnh



THÔNG TIN CHÍNH VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO)
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



ISO 9001:2008

ISO 14001:2007

OHSAS 18001:2004

* Địa chỉ văn phòng

(Địa chỉ văn phòng cũ
(Thời gian chuyển VP

* Điện thoại

* Fax

* Email

* Website

* Ngày thành lập

* Thời điểm cổ phần hóa

* Giấy CNĐKKD số

* Tên cũ (DNNN)

* Mã chứng khoán

* Ngày niêm yết trên Hose

* Thương hiệu COMECO

: Tầng 7, 8, 9 Tòa nhà COMECO

Số 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp. HCM

: 11 Cao Bá Nhạ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, TP.HCM)

: kể từ ngày 02/4/2011)

: (84.8) 38.321.111 - 38.302.222 - 38.303.222

: (84.8) 38.325.555

: comecopetro@hcm.vnn.vn

: http://www.comeco.com.vn; www.comeco.vn

: 13/12/1975

: 13/12/2000

: 0300450673, cấp ngày 13-12-2000

: Công ty Vật tư Thiết bị Giao Thông Vận Tải (COMECO)

: COM

: 07/8/2006

: Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993



*Cán bộ chủ chốt COMECO chụp hình lưu niệm
nhân Lễ khánh thành Cao ốc văn phòng COMECO*

The background is a vertical gradient from light yellow at the bottom to orange at the top. There are three stylized dandelion seed heads. One is on the left, one on the right, and a larger, more detailed one in the center. The central one has orange and red seeds. The text 'Phần 1' is written in a blue, cursive font over the central seed head.

Phần 1

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- I. *Những sự kiện quan trọng*
- II. *Quá trình phát triển*
- III. *Định hướng phát triển*



Phần 1

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

1. Ngày thành lập : 13-12-1975.

2. Quá trình hình thành Công ty :

Qua hơn 35 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau :

- **Phòng Quản lý Xăng dầu : Sau 30/4/1975**, Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.
- **Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu : Từ 08/1977 đến 12/1978.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Xí nghiệp Cung ứng Vật tư : Từ 12/1978 đến 12/1981.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu : Từ 12/1981 đến 10/1992.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Công ty Vật tư Thiết bị Giao Thông Vận Tải (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000**
(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) : Từ 12/2000 đến nay.**
(COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Từ tháng 3/2010 chuyển về là thành viên của Cơ quan Văn phòng Thành ủy TP.HCM).

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

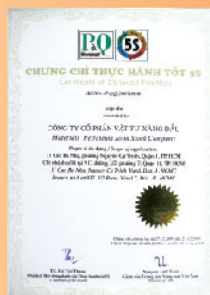
1. Ngành nghề kinh doanh chính :

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết : Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô).
- Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng và vật tư, phương tiện giao thông vận tải.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết : Sửa chữa, tân trang, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe).
- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết : Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng).
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết : Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy).
- Cho thuê văn phòng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết : kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi).

2. Tình hình hoạt động :

2.1. Những cột mốc quan trọng :

- Ngày 13/12/2010 : Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề : **“35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công”**.
- Tháng 8/2010 : **Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO** tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Tháng 12/2009 : Nhận 2 Giấy chứng nhận : **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007** do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.
- Tháng 10/2009 : **Nhận Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương** do tổ chức Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (APQO) tặng tại Mexico.
- Tháng 08/2008 : Ban hành **Giá Trị Cốt Lõi của COMECO** gồm 12 thành tố.
- Tháng 12/2007 : Nhận **Giấy chứng nhận 5S** do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.
- Tháng 10/2007 : Phát hành thêm 4.599.917 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên **79,99 tỷ đồng**, thặng dư 151 tỷ đồng.
- Tháng 10/2004 : Nhận Giấy chứng nhận **Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000** do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.
- Tháng 12/2000 : **Cổ phần hóa** theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Tháng 07/1988 : COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho phép **mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ** phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.



Một số Bằng khen, Chứng nhận COMECO đã đạt được

2.2. Các dự án đầu tư lớn :

2.2.1. Dự án xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO :

- Địa điểm : Xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Sông Sài Gòn, gần đối diện với Kho Xăng dầu Nhà Bè, TP. HCM).

- Diện tích đất : 20ha (200.000 m²)

Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

Hiện nay đã thực hiện một số công việc như : Hoàn tất thủ tục đền bù, nộp tiền sử dụng đất (giao đất), thi công san lấp mặt bằng, xin Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất,... với tổng chi phí thực hiện đến 31/12/2010 là 58,008 tỷ đồng.

2.2.2. Dự án Tòa nhà COMECO :

- Địa điểm : Tại ngã ba Điện Biên Phủ - Nguyễn Thiện Thuật,

Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. HCM.

- Diện tích khuôn viên : 708 m²

- Quy mô : 10 tầng cao, sân thượng và 2 tầng hầm.

Sử dụng 3 tầng (7, 8, 9) làm văn phòng của Công ty, các tầng còn lại cho thuê, hiện đã cho thuê được 71,42% công suất.

- Tổng vốn đầu tư : 115,942 tỷ đồng.

- Dự án đã được khởi công xây dựng vào ngày 27/12/2008.

- Lễ khánh thành và đưa vào hoạt động : ngày 09/ 8/2010.

2.2.3. Một số dự án đầu tư xây dựng CHXD :

a. Dự án CNXD số 29 :

- Hình thức đầu tư : COMECO tự mua đất đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu.

- Địa điểm : 318 Hương Lộ 80, Phường Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM.

- Diện tích đất : 1.136 m²

- Tổng mức đầu tư : 6,878 tỷ đồng.

Hiện đã thi công xong 95%, chờ hoàn tất thủ tục để đưa vào hoạt động.

- Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động : tháng 5/2011.

b. Dự án CNXD số 35 :

- Hình thức đầu tư : COMECO hợp tác với Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn – Madagui.

- Địa điểm : Km 152, Quốc lộ 20, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng.

- Diện tích đất : 1.515 m²

- Tổng mức đầu tư : 3,5 tỷ đồng.

Hiện đã thi công xong 90%, chờ hoàn tất thủ tục để đưa vào hoạt động.

- Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động : tháng 6/2011.

c. Dự án CNXD số 36 :

- Hình thức đầu tư : COMECO hợp tác với một hộ cá thể tại tỉnh Bến Tre.

- Địa điểm : 164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

- Diện tích đất : 735 m²

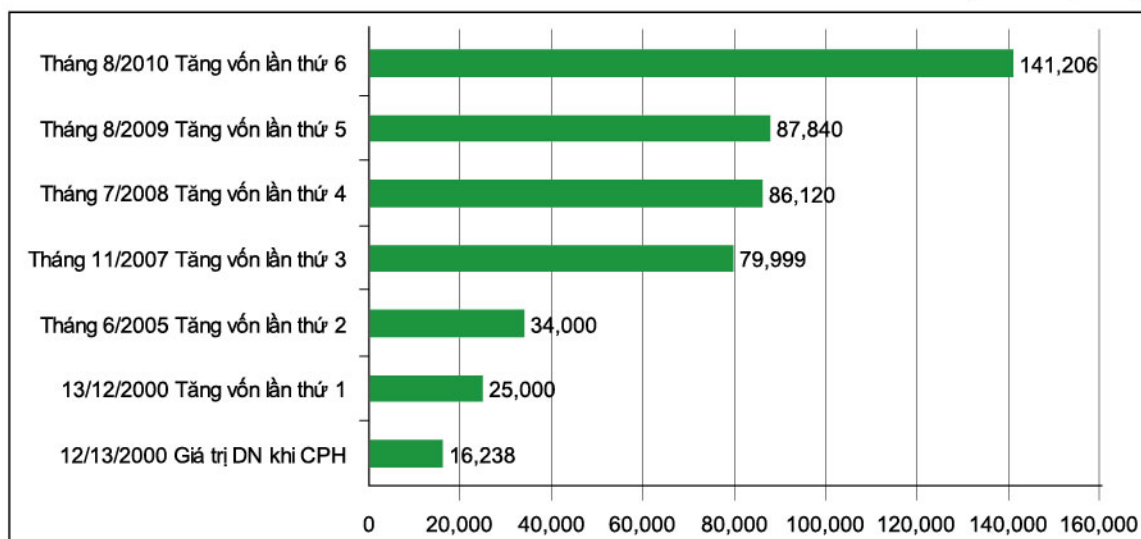
- Tổng mức đầu tư dự kiến : khoảng 4,186 tỷ đồng.

Đang xin giấy phép xây dựng.

- Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động : tháng 9/2011.

2.3. Quá trình tăng vốn :

(ĐVT : Triệu đồng)



2.4. Kết quả hoạt động 3 năm 2008 - 2010

BẢNG KẾT QUẢ SXKD TỪ NĂM 2008 ĐẾN 2010

(ĐVT : Triệu đồng)

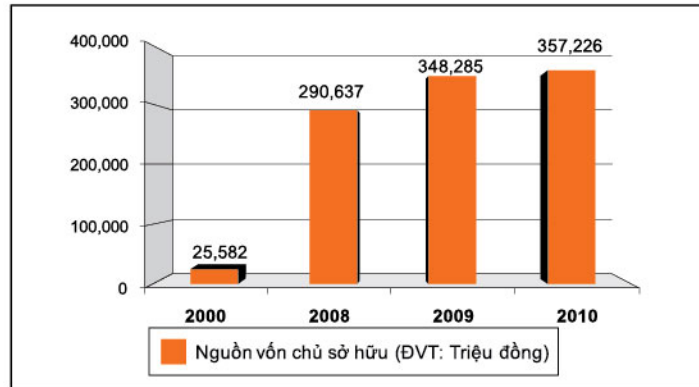
SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2000	THỰC HIỆN 2008	THỰC HIỆN 2009	THỰC HIỆN 2010	TỈ LỆ (%)		
							10/00	10/09	BQ 10 năm
A	B	C	1	2	3	4	5(4/1)	6(4/3)	7
1	Tổng tài sản	Tr đ	105.568	330.015	470.582	464.327	440	99	116
2	Vốn chủ sở hữu	Tr đ	25.582	290.637	343.004	357.226	1.396	104	130
3	Vốn điều lệ	Tr đ	16.238	86.120	87.840	141.206	870	161	124
4	Doanh thu thuần	Tr đ	394.907	3.071.595	2.821.220	3.616.801	916	128	125
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	5.824	26.137	84.298	48.620	835	58	124
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	3.298	19.453	63.224	36.919	1.119	58	127
7	Cổ tức (%)	%		15	20	18		90	
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		2.343	4.625	2.697		58	
9	Giá trị Cp trên sổ sách	Đồng		34.698	41.024	25.978		63	

Ghi chú :

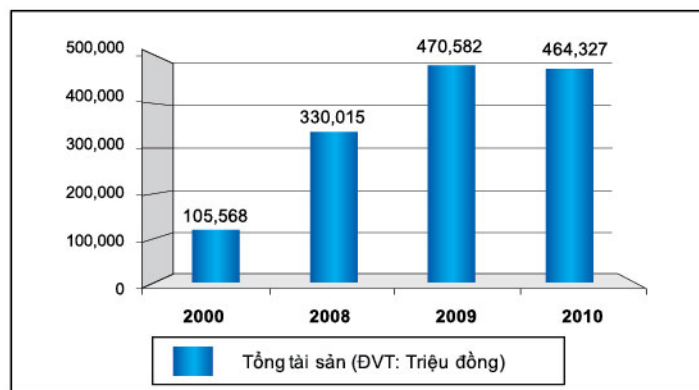
- Năm 2000 Công ty là DNNN
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu : năm 2009 : 9%.
- Vốn điều lệ năm 2010 tăng do phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2 : 1.
- Lãi cơ bản trên CP = $LNST / (Số\ lượng\ CP\ theo\ vốn\ điều\ lệ - số\ lượng\ CP\ ngân\ quỹ\ BQ)$
- Giá trị CP trên sổ sách = $Vốn\ chủ\ sở\ hữu / Số\ lượng\ cổ\ phiếu\ lưu\ hành.$
- Số liệu năm 2009 đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi từ Vốn chủ sở hữu sang Nợ ngắn hạn.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng cao vì có khoản lợi nhuận từ việc nhận tiền bồi thường giải tỏa CHXD số 10 (góc Nguyễn Cư Trinh – Trần Hưng Đạo) 18.009.999.800 đồng và hoàn nhập dự phòng cổ phiếu 11.132.393.000 đồng.
- Năm 2010, mọi chi phí đều tăng cao, đặc biệt là chi phí lãi vay. Do đó, Công ty đã trả nợ vay ngân hàng để giảm tỉ lệ nợ vay xuống, làm cho chỉ tiêu nợ ngắn hạn đạt 83% so với năm 2009. Đây là nguyên nhân chính làm cho Tổng tài sản của Công ty giảm.



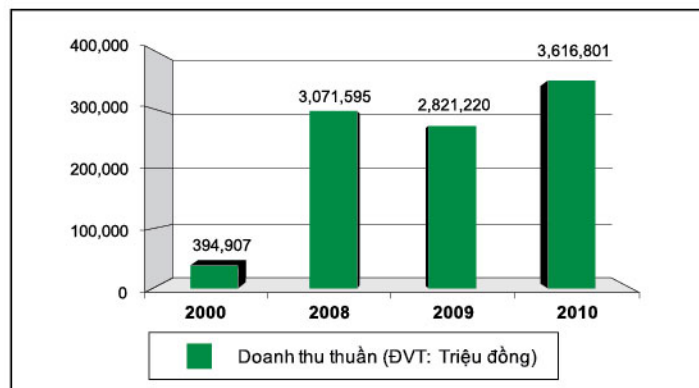
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU



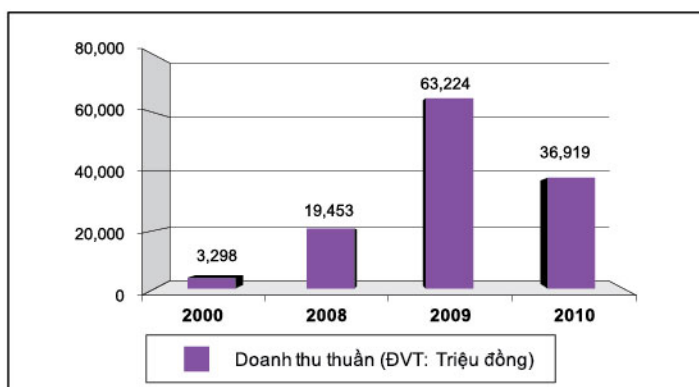
TỔNG TÀI SẢN



DOANH THU THUẦN



LỢI NHUẬN SAU THUẾ





2.5. Thành tích đạt được trong những năm qua :

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy TP. Hồ Chí Minh
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn ĐLCL Việt Nam
	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2008	Huân chương Độc lập hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTEC)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba	Hội đồng Nhà nước

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phân tích môi trường kinh doanh (SWOT)

ĐIỂM MẠNH (S)

1. Mạng lưới bán lẻ xăng dầu rộng khắp (30 cửa hàng), nằm ở những vị trí quan trọng. Cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối khá, quỹ đất: **253.239,2 m²**.
2. Bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, năng suất lao động cao, nội bộ đoàn kết.
3. Có kinh nghiệm và uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.
4. Áp dụng các công cụ quản lý chất lượng tiên tiến trên thế giới.
5. Chất lượng, số lượng hàng hóa luôn đảm bảo. Thái độ phục vụ khá tốt.
6. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 27,32 %/năm.
7. Thương hiệu COMECO ngày càng phát triển. Có nền văn hóa mạnh

ĐIỂM YẾU (W)

1. Chưa có kho cảng xăng dầu nên chưa chủ động được nguồn hàng và giá bán.
2. Thông tin thị trường, đối thủ còn hạn chế.
3. Đầu tư nhân lực chưa theo kịp tốc độ phát triển của Công ty.
4. Tác phong làm việc của đội ngũ CBCNV chưa thật sự chuyên nghiệp.
5. Công tác Marketing, PR chưa chuyên nghiệp.
6. Thông tin nội bộ chưa thật sự thông suốt.

S
W
O
T

CƠ HỘI (O)

1. Môi trường chính trị ổn định, tốc độ tăng của ngành công nghiệp dầu khí trong nước khá cao.
2. Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã cung cấp sản phẩm ra thị trường..
3. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, thiết yếu, có sự quản lý của Nhà nước.
4. Thành phố đang phát triển những khu đô thị, khu công nghiệp mới. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ.
5. Dân số đông, trẻ, thu nhập ngày càng tăng.
7. Việt Nam gia nhập WTO và khu vực, môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng.

NGUY CƠ (T)

1. Khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế → nền kinh tế khó phục hồi nhanh.
2. Nguồn cung và giá xăng dầu lệ thuộc thế giới → diễn biến phức tạp khó dự báo.
3. Chủ trương của Chính phủ đối với các doanh nghiệp xăng dầu đầu mối: kinh doanh không có lãi trong năm 2011.
4. Đối thủ Petrolimex mạnh hơn về bảo hộ của Nhà nước.
5. Các sản phẩm thay thế xăng dầu đang phát triển mạnh.
6. Người tiêu dùng ngày càng có sự lựa chọn kỹ hơn nơi mua xăng dầu.
7. Nhà nước cho phép các công ty nước ngoài vào KD xăng dầu trong tương lai.

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S5, S6) + (O1, O2, O3, O4, O5) → **Chiến lược tăng trưởng tập trung**
(S4, S6, S7) + (O4, O5, O6) → **Chiến lược hội nhập**

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

W1 + (O1, O2, O4, O5, O6) → **Chiến lược tăng trưởng hướng ngoại**
(W3, W4, W5, W6) + (O6) → **Chiến lược Hệ thống Quản trị Chất lượng**

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, thách thức

(S1, S2, S4, S5, S7) + (T2, T3, T5, T7) → **Chiến lược đa dạng hóa sản phẩm**
(S1, S2, S3, S4, S7) + (T1, T4, T6) → **Chiến lược phát triển sản phẩm mới**

PHỐI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W1, W2, W4, W5) + (T1, T2, T5, T6) → **Chiến lược đầu tư**
(W2, W5) + (T1, T4) → **Chiến lược Marketing**
(W2, W3, W4, W5) + (T1, T6, T7) → **Chiến lược nguồn nhân lực**



Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau :

2. Mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- Phần đầu đưa COMECO trở thành : “Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam (trực chính là xăng dầu)”.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội.
- Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh xoay quanh trực chính là kinh doanh xăng dầu.
- Bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và Người lao động.
- Bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng.
- Xây dựng Văn hóa COMECO và phát triển Thương hiệu COMECO ngày càng bền vững trên thương trường.

3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

3.1. Chiến lược tăng trưởng tập trung :

Nhằm mục đích giữ khách hàng hiện tại và gia tăng thị phần, giải pháp cụ thể để thực hiện như sau :

- Củng cố và giữ vững khách hàng hiện tại.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu.
- Phát triển hệ thống đại lý.

3.2. Chiến lược hội nhập :

- Hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
- Đầu tư xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch – Đồng Nai.

3.3. Chiến lược đa dạng hóa và phát triển sản phẩm mới :

- Cung cấp sản phẩm hiện tại cho khách hàng mới.
- Cung cấp sản phẩm mới cho khách hàng hiện tại.
- Phát triển khách hàng công nghiệp.
- Mở rộng liên doanh liên kết.
- Chủ động chuyển hướng kinh doanh, đầu tư tại một số mặt bằng của Công ty nhằm mục tiêu phù hợp với quy hoạch của Thành phố và đạt hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Từng bước đầu tư vào lĩnh vực tài chính, bất động sản, thương mại với việc sử dụng nguồn vốn một cách thận trọng, hiệu quả.
- Đầu tư vào một số lĩnh vực liên quan đến sản phẩm hóa dầu như : Dầu nhờn, hóa chất, gas, nhựa đường, ...

3.4. Chiến lược Hệ thống Quản lý Chất lượng :

Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, OHSAS, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương.

3.5. Chiến lược chức năng :

- Chiến lược Marketing để mở rộng sản phẩm và phát triển thương hiệu.
- Chiến lược đầu tư : Đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến với công nghệ cao.
- Chiến lược nguồn lực :
 - + Tập trung phát triển nguồn lực trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực.
 - + Xây dựng Văn hóa COMECO.

“... Cùng cố và giữ vững khách hàng hiện tại; Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu; Phát triển hệ thống đại lý.”



CNXD số 33 của COMECO tại tỉnh Đồng Nai
836 QL 1A, ấp Ngũ Phúc, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai



CNXD số 34 của COMECO tại Tp. Hồ Chí Minh
D11/6Q Quốc lộ 1A, phường Tân Tạo, quận Bình Tân



Phần 2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- I. Cơ cấu tổ chức của Công ty*
- II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, Ban TGD và BKS*
- III. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động*

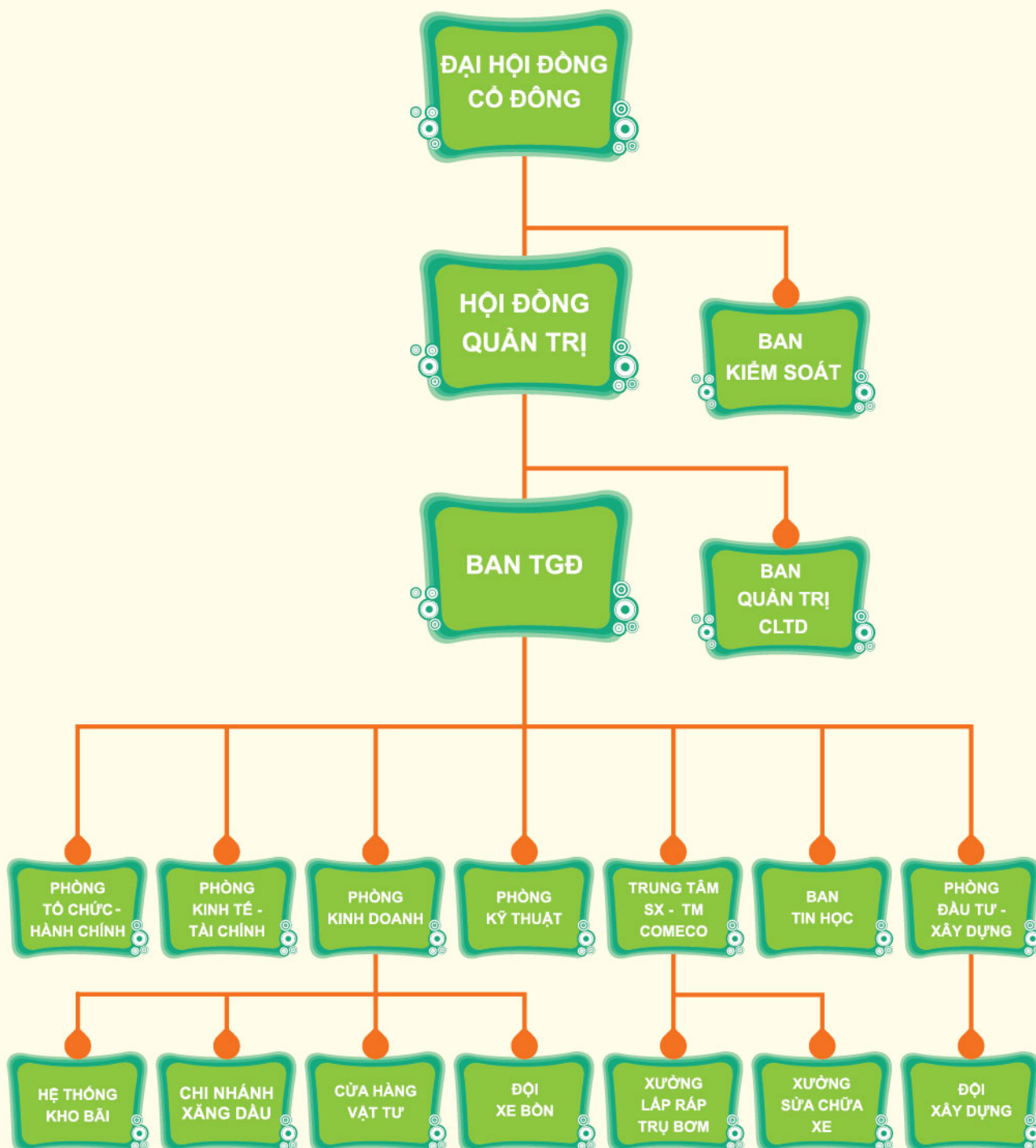


Phần 2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



II. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

1. HĐQT và Ban TGD :

Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT – TGD



- Năm sinh : 13/12/1957
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân kinh tế (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân chính trị (Phân viện Tp.HCM –
Học viện Chính trị Quốc Gia)
- Thâm niên trong ngành : 30 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 30 năm (làm việc tại Công ty từ
02/1981 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 27 năm

Từ tháng 02/1981, Bà Trương Đức Hạnh là nhân viên phòng Kế hoạch. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế hoạch tháng 02/1984; giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch tháng 9/1986. Từ tháng 12/1986 đến 5/1999, Bà giữ chức Phó Giám đốc. Từ 5/1999, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc và từ tháng 12/2000 làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD cho đến ngày nay.

Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT – Phó TGD



- Năm sinh : 13/11/1971
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Anh văn (ĐH Mở TP.HCM),
Cử nhân QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Ngoại thương (ĐH KT TP.HCM).
- Thâm niên trong ngành : 18 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 18 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993
đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 12 năm

Từ tháng 6/1993, Ông Lê Tấn Thương là nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu. Tháng 7/1996, Ông là nhân viên Phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh doanh kiêm Quyền Trưởng phòng Kinh doanh từ 10/2000. Từ tháng 01/2001, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh. Từ tháng 10/2010 Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó TGD kiêm Ủy viên HĐQT cho đến nay.

Ông Huỳnh Nguyên Triệu : Ủy viên HĐQT – Phó TGD



- Năm sinh : 24/7/1953
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế (ĐH Bách Khoa
TP.HCM),
Trung cấp Chính trị (trường Đảng
Nguyễn Văn Cừ)
- Thâm niên trong ngành : 30 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 30 năm (làm việc tại Công ty từ 02/1981
đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 27 năm

Từ tháng 02/1981, Ông Huỳnh Nguyên Triệu là công nhân kỹ thuật. Năm 1983, Ông là nhân viên phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tổ chức – Hành chính tháng 02/1984 và giữ chức vụ Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị tháng 01/1993. Từ tháng 5/1999, Ông giữ chức Phó Giám đốc. Tháng 12/2000 Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT, Phó TGD cho đến nay.

Bà Trần Thị Hồng Linh : Phó TGĐ



- Năm sinh : 17/10/1959
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (ĐH Luật TP.HCM),
Cử nhân Cao đẳng QTKD (ĐH Mở TP.HCM),
Trung cấp Lý luận chính trị (Trung tâm Giáo dục Chính trị TP. HCM).
- Thâm niên trong ngành : 33 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 33 năm (làm việc tại Công ty từ 4/1978 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 14 năm

Từ tháng 4/1978, Bà Trần Thị Hồng Linh làm nhân viên Phòng Lao động – Tiền lương. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tổ chức – Hành chính tháng 7/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính tháng 10/2000. Tháng 01/2001 đến tháng 4/2007 Bà được bầu làm Ủy viên HĐQT, từ tháng 3/2007 giữ chức vụ Phó TGĐ cho đến nay.

Ông Phạm Công Quyền : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Tài chính



- Năm sinh : 19/6/1963
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Tài chính (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Ngoại thương (ĐH Kinh tế TP.HCM).
- Thâm niên trong ngành : 25 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 25 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 22 năm

Từ tháng 6/1986, Ông Phạm Công Quyền là nhân viên Kế toán Tổng hợp. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế toán tháng 6/1989. Từ tháng 01/2001 đến nay, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính đến nay.

Ông Đinh Viết Thắng : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Kinh doanh



- Năm sinh : 16/3/1968
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD (ĐH Mở TP. HCM),
Cử nhân ngoại ngữ (ĐH Sư phạm TP.HCM),
Kỹ sư Tin học (ĐH Bách Khoa HN),
Cử nhân Kinh tế (ĐH Ngoại thương).
- Thâm niên trong ngành : 18 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 18 năm (làm việc tại Công ty từ 4/1993 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 11 năm

Từ tháng 4/1993, Ông Đinh Viết Thắng là nhân viên Phòng Kinh doanh. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh doanh tháng 9/2000. Từ tháng 12/2001, Ông được bầu làm Ủy viên BKS. Từ tháng 4/2005 được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Phó Giám đốc Kinh doanh. Từ tháng 10/2010 Ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Kinh doanh kiêm Ủy viên HĐQT cho đến nay.

2. BKS :

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành :

Bà Lê Khắc Hồng Lan : Trưởng BKS COMECO.



- Năm sinh : 11/5/1954
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính (ĐH Tài chính - Kế toán Hà Nội)
- Thâm niên trong ngành : 33 năm

Từ năm 1978 - 1979, Bà Lê Khắc Hồng Lan là chuyên viên Bộ Tài Chính. Từ năm 1979 đến 2010, Bà công tác tại Sở Tài Chính TP.HCM. Từ tháng 09/2010 Bà nghỉ hưu ở Sở Tài Chính TP.HCM và hiện nay làm việc tại Công ty Cổ phần Vincom. Tháng 12/2000 Bà được bầu làm Trưởng BKS COMECO đến nay.

Ông Nguyễn Hữu Hoàng : Ủy viên BKS - Phó Giám đốc Tài chính



- Năm sinh : 22/11/1976
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán Kiểm toán (ĐH Kinh Tế TP.HCM)
- Thâm niên trong ngành : 12 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 11 năm (làm việc tại Công ty từ 10/2000 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 6 năm

Từ năm 1998 - 1999, Ông Nguyễn Hữu Hoàng công tác tại Trường Trung học Kỹ thuật nghiệp vụ Phú Lâm với vị trí Phụ trách phòng Kế toán. Từ tháng 10/2000, Ông Nguyễn Hữu Hoàng là nhân viên Phòng Kinh tế - Tài chính Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu. Từ tháng 4/2005 giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính đến nay. Ông được bầu vào Ủy viên BKS từ tháng 4/2005 đến nay.

Ông Phạm Văn Khoa : Ủy viên BKS - Giám đốc Đầu tư



- Năm sinh : 05/5/1973
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, ĐH Bách Khoa TP.HCM.
- Thâm niên trong ngành : 14 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 12 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 8 năm

Từ năm 1997-1999, Ông Phạm Văn Khoa là nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng. Từ 7/1999, Ông là nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu. Sau đó, Ông được bổ nhiệm là Trưởng ban Xây dựng Cơ bản Công ty từ 7/2004. Từ tháng 4/2005 đến nay, Ông giữ chức vụ Giám đốc Đầu tư. Từ tháng 4/2006 Ông được bầu làm Ủy viên BKS cho đến nay.

III. SỐ LƯỢNG CBCNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2010

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2009		NĂM 2010		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LĐ	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LĐ	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5 (3/1)
I	Tổng số lao động	475		518		109
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	6	1,26	07	1,35	116
2	Đại học	42	8,84	50	9,65	119
3	Cao đẳng	12	2,53	19	3,67	158
4	Trung cấp	21	4,42	28	5,40	133
5	Cấp III	309	65,05	334	64,48	108
6	Cấp II	85	17,89	80	15,44	94
III	Chính trị :					
1	Đảng viên	36	7,58	35	6,76	97
2	Đoàn viên thanh niên	89	18,74	90	17,3	101
3	Đoàn viên Công đoàn	399	84,00	393	75,9	98
IV	Kinh nghiệm :					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	68	14,32	105	20,27	154
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	247	52,00	258	49,80	104
V	Độ tuổi :					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	225	47,37	262	50,58	116
2	NLĐ có tuổi đời từ 31 đến 40	112	23,58	133	25,68	119
3	NLĐ có tuổi đời từ 41 đến 50	57	12,00	44	8,49	77
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	81	17,05	79	15,25	98

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 518 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty.
- Trong năm 2010, Công ty đã xây dựng và ban hành thêm 1 số Quy định như: Quy định trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, Quy định về việc nghỉ trong ca làm việc của nhân viên bán hàng, Quy định về công tác văn thư, Quy định tiền lương của Tổ Tiếp thị. Các Quy định này không những chỉ đảm bảo quyền lợi cho NLĐ mà còn chú trọng đến chế độ đãi ngộ thỏa đáng, nhằm giữ và thu hút nhân tài để phát triển nguồn nhân lực cho Công ty. NLĐ được hưởng đầy đủ (và trên mức) các chế độ đãi ngộ theo quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- Đời sống NLĐ được cải thiện.
- Môi trường làm việc an toàn và ngày càng được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007.

- Đối với công tác quy hoạch và đào tạo cán bộ COMECO đã quy hoạch được 8 chức danh lãnh đạo cấp cao, 9 cán bộ cho khối văn phòng, 42 cán bộ cho các Cửa hàng xăng dầu và 9 Trưởng Chi nhánh trẻ được tiếp tục đào tạo để đạt chuẩn trong tương lai (giao đoạn 2010 – 2015).
- Công ty có chính sách khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ, trong năm 2010 Công ty đã đưa đi đào tạo Đại học, Cao đẳng tại chức 53 người; đã đào tạo, bồi dưỡng khoảng trên 1.228 lượt người, tăng 154,85% so với kế hoạch; về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, đánh giá viên nội bộ, lớp đào tạo cán bộ trẻ, xây dựng các lớp hội thảo văn hóa, đào tạo văn hóa “Nói lời **cảm ơn** khách hàng” đến toàn thể CBCNV Công ty,...
- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty đã tổ chức cho toàn thể NLĐ và thân nhân đi nghỉ dưỡng tại Khu du lịch rừng Madagui.
- Khen thưởng cho 55 cháu học sinh giỏi các cấp là con NLĐ. Tổ chức Tết trung thu “Đêm hội trăng rằm” cho các cháu thiếu nhi vui tết.
- Đối với thân nhân NLĐ : Ngoài việc thăm hỏi của Công đoàn, Công ty cũng có những chính sách quan tâm cụ thể được thể hiện trong Thỏa ước Lao động Tập thể như : thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, sinh nhật, tổ chức Hội thảo cho chị em phụ nữ COMECO nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 và Phụ nữ Việt Nam 20/10,...



Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO
trao thưởng cho học sinh giỏi là con em CBNV trong Công ty, niên học 2009 - 2010



Bà Trương Đức Hạnh Chủ tịch HĐQT - TGD COMECO
trao quà cho CBCNV trong lễ họp mặt đầu năm 2010



Bà Trương Đức Hạnh, Chủ tịch HĐQT – TGD Công ty chủ trì
Hội thảo Văn hóa COMECO



Phần 3

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2010*
- II. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2010*
- III. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010*
- IV. Các rủi ro lớn và biện pháp phòng ngừa*
- V. Triển vọng và kế hoạch năm 2011*





Phần 3

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2010

1. Kết quả hoạt động năm 2010

Đơn vị tính : triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2000	TH NĂM 2009	KH NĂM 2010	TH NĂM 2010	TỶ LỆ SO SÁNH (%)		
						TH 10/ KH 10	TH 10/ TH 09	TH 10/ TH 00
A	B	1	2	3	4	5 (4/3)	6 (4/2)	7 (4/1)
1	Doanh thu	394.907	2.821.000	3.527.000	3.616.801	103	128	916
2	Lợi nhuận trước thuế	5.824	84.298	41.896	48.620	116	58	835
3	Lợi nhuận sau thuế	3.298	63.224	32.000	36.919	115	58	1.119
4	Cổ tức (%)	-	20	12	18	150	90	-

Ghi chú:

. Năm 2000 còn là DNNN (13/12/2000 CPH)

. Lợi nhuận sau thuế và nộp ngân sách năm 2009 tăng cao vì có khoản lợi nhuận bất thường từ việc nhận tiền bồi thường giải tỏa CHXD số 10 (góc Nguyễn Cư Trinh -Trần Hưng Đạo).

2. Mười sự kiện tiêu biểu năm 2010

1. Khánh thành Tòa nhà COMECO tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Công trình này đã được Liên đoàn Lao động Thành phố công nhận và gắn biển: **“Công trình Kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long-Hà Nội”** vào ngày 09 tháng 8 năm 2010.
2. Khai trương 2 Chi nhánh xăng dầu mới:
 - . Chi nhánh xăng dầu số 33 tại Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai vào ngày 26/6/2010.
 - . Chi nhánh xăng dầu số 34 tại D11/6Q Quốc lộ 1A, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/4/2010.
3. Đảng bộ Công ty được Thành ủy tuyên dương và tặng cờ vì đã có thành tích: **đạt tiêu chuẩn Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền (2005-2009)**.
4. Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM tặng.
5. Công ty được Ủy ban Nhân dân Thành phố tặng **Bằng khen** về thành tích thực hiện tốt phong trào: **Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**.
6. **85 Sáng kiến, Giải pháp mới** được công nhận và khen thưởng kịp thời.
7. Phát động phong trào thi đua năm 2010 với chủ đề: **“Bảo vệ sức khỏe - Gìn giữ môi trường - Hòa hợp cộng đồng”**. Trồng cây xanh trong khu vực các Chi nhánh (CHXD) theo kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2010-Thực hiện nếp sống văn minh-Mỹ quan đô thị”.
8. Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm **35 năm ngày thành lập Công ty (13/12/1975-13/12/2010)** và **10 năm cổ phần hóa doanh nghiệp (13/12/2000- 13/12/2010)**. Được UBND Thành phố Hồ Chí Minh **tặng Cờ truyền thống** cho thành tích 35 năm qua.
9. Thực hiện **“Chương trình Ban lãnh đạo cùng NLĐ COMECO phục vụ khách hàng”** nhân ngày thành lập COMECO từ 10 giờ 10 phút đến 10 giờ 45 phút ngày 13/12/2010”.
10. Được xếp thứ **17/60** đơn vị nhận **Kỷ niệm chương của UBND TP.HCM** nhân dịp Tổng kết 10 năm **Phong trào vì người nghèo** của Thành phố.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH 2010

Năm 2010 COMECO đã hoàn thành vượt kế hoạch năm 2010 như sau: Doanh thu thuần: 3.617 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế: 48.620 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế: 36.919 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch; tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bình quân sau 10 năm cổ phần hóa (2001-2010): 27.32%/năm. Trong năm 2010, Công ty đã đưa vào hoạt động hai CHXD và đưa vào khai thác, sử dụng Tòa nhà COMECO số 549 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3, TP.HCM (công suất khai thác : 71,42%).

III. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2010

1. Về đầu tư

Năm 2010, COMECO đã đầu tư 78.079.323.724 đồng để đầu tư các hạng mục công trình sau :

- Tổng kho :	39.656.154.911 đ
+ Gia cố bờ kè, đổ đất san lấp giai đoạn II :	2.462.775.911 đ
+ Tiền sử dụng đất, thuế đất, lệ phí trước bạ Tổng kho :	37.193.379.000 đ
- Cao ốc :	31.218.530.737 đ
- CNXD số 29 :	696.064.821 đ
- CNXD số 35 :	826.920.984 đ
- Mua xe du lịch :	2.158.627.271 đ
- Cải tạo sửa chữa các CN CHXD :	1.832.000.000 đ
- Trang trí quảng cáo các CN CHXD :	708.654.000 đ
- Trang trí quảng cáo cho các Đại lý :	607.407.000 đ
- Hệ thống QTCLTD :	374.964.000 đ

2. Về khách hàng

Phong trào thi đua giới thiệu khách hàng mới được duy trì thường xuyên. Do đó, năm 2010 Công ty có thêm 141 khách hàng mới với số lượng tiêu thụ tương đối ổn định.

3. Thay đổi khác

- Di dời trụ sở làm việc của Công ty từ số 11 Cao Bá Nhạ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Q.1 về số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/4/2011.
- Bổ nhiệm thêm một Phó TGĐ Công ty (Ông Lê Tấn Thương) từ ngày 10/10/2010.



Hội nghị khách hàng COMECO tổ chức tại Bangkok - Thái Lan tháng 11/2010

IV. CÁC RỦI RO LỚN VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

1. Rủi ro kinh tế :

Đầu năm 2011, kinh tế thế giới đã có nhiều bất ổn : khủng hoảng chính trị tại các nước Bắc Phi nguồn cung dầu của thế giới, động đất, sóng thần tàn phá nước Nhật kèm theo nguy cơ nhiễm phóng xạ do nổ nhà máy điện hạt nhân,... Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp quyết liệt để giải quyết những bất ổn trong nền kinh tế, trong đó lạm phát và áp lực tỷ giá là những vấn đề đầu tiên sẽ được xử lý nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và giảm rủi ro cho nền kinh tế. Ngoài ra, Chính phủ vẫn tiếp tục sử dụng chính sách thuế, tiền tệ và lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp trước những biến động kinh tế của thế giới. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với COMECO là tương đối cao.

Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO vẫn phát huy các thế mạnh của mình, đồng thời mở rộng sản xuất kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển Thương hiệu và Văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật :

Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

Hướng tới việc mở cửa thị trường xăng dầu, Nhà nước đã ban hành một số chính sách nhằm ổn định đầu mối nhập khẩu, ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo dự trữ, bình ổn giá xăng dầu trong nước và không bù lỗ cho các doanh nghiệp đầu mối nhằm tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành.

Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ :

Xăng dầu là vật liệu dễ cháy cho nên nguy cơ hỏa hoạn luôn luôn tiềm ẩn. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm hỏa hoạn, các bảo hiểm rủi ro khác nhằm đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.



V. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011

1. Dự báo tình hình

1.1. Dự báo tình hình chung

- Suy thoái kinh tế thế giới vẫn còn tác động mạnh, khủng hoảng chính trị tại các nước cung cấp dầu cho thị trường thế giới : Lybia, Ai cập, Tunisi... giá xăng dầu thế giới tiếp tục tăng (dự kiến hơn 100 USD/thùng), động đất, sóng thần và rò rỉ phóng xạ nhà máy điện hạt nhân tại Nhật Bản, vàng và tỷ giá ngoại tệ tăng cao, chỉ số giá tiêu dùng tăng,... sẽ ảnh hưởng nhiều đến tình hình kinh doanh của Công ty.
- Nhà nước sẽ đẩy mạnh kinh doanh các loại xăng có chất lượng cao, nhiên liệu sạch để đáp ứng nhu cầu của các loại xe đời mới. Vì vậy, Công ty cũng phải có sự thay đổi công nghệ cho phù hợp.
- Thành phố phát triển vận tải hành khách công cộng, hạn chế xe cá nhân lưu thông trong Thành phố.
- Kinh tế vĩ mô sẽ không thuận lợi hơn năm 2010; chính sách có nhiều thay đổi: Nhà nước ban hành một số luật mới, tái cấu trúc doanh nghiệp,...

1.2. Dự báo khó khăn đối với Công ty năm 2011

- Dự báo những tháng đầu năm 2011 tình hình xăng dầu sẽ tiếp tục khó khăn về nguồn hàng và chiết khấu hoa hồng giảm mạnh. Chính phủ chủ trương các Doanh nghiệp đầu mỗi xăng dầu kinh doanh không lãi trong năm 2011. Do đó, mức chiết khấu xăng dầu cho các Tổng đại lý sẽ giảm rất thấp.
- Nhiều khoản chi phí tăng cao: điện, nước, lãi ngân hàng, BHXH, BHYT,... ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2007 của UBND Thành phố thì CHXD trong nội đô Thành phố sẽ bị thu hẹp lại. Một số CHXD của Công ty sẽ bị thu hẹp dẫn đến giảm sản lượng nhiều và chi phí đầu tư sửa chữa sẽ tăng rất cao.
- Ít nhất có 02 CHXD bị ngưng hoạt động trong Quý I và Quý III/2011.
- Các dự án lớn về hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, thoát nước của Thành phố thi công kéo dài nên sẽ có rất nhiều tuyến đường trọng điểm trong nội đô làm rào chắn thi công, do vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông và kinh doanh xăng dầu của COMECO.

2. Kế hoạch năm 2011

- Tập trung công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- Đầu tư phát triển thêm tối thiểu 2 CHXD mới.
- Khai thác tối đa công suất cho thuê Tòa nhà COMECO.
- Duy trì HTQTCLTD (ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007). Phần đầu không có điểm không phù hợp trong đánh giá định kỳ năm 2011.
- Đảm bảo việc làm và đời sống cho CBCNV.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường, trong đó thực hiện tốt việc nói lời **cảm ơn** khách hàng.
- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác an ninh, trật tự và an toàn cháy nổ tại đơn vị để phát triển sản xuất kinh doanh và góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội.



Bà Nguyễn Thị Hồng, Thành ủy viên - Phó CT.UBND Thành phố (bên trái)
trao Bằng khen của Liên đoàn Lao động thành phố
cho bà Trương Đức Hạnh, Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO



Chi nhánh xăng dầu số 25
Số 26 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8



Phần 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- I. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010
- II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010
- III. Những tiến bộ Công ty đã đạt được năm 2010
- IV. Kế hoạch phát triển năm 2011



Phần 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2010

1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	TH NĂM 2008	TH NĂM 2009	TH NĂM 2010	2010/ 2008	2010/ 2009
A	B	C	1	2	3	4 (3/1)	5 (3/2)
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	3.071.595	2.821.220	3.616.801	118	128
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	19.453	63.224	36.919	190	58
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đ	290.637	343.004	357.226	123	104
4	Tổng tài sản	Tr.đ	330.015	470.582	464.327	141	99
5	Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	231.462	347.878	265.481	115	76
6	Nợ phải trả	Tr.đ	39.378	127.578	107.101	272	84
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	32.912	122.159	101.427	308	83
8	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr.đ	97.497	19.611	22.936	24	117
9	Tỷ suất lợi nhuận						
9.1	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản (2/4)	%	5,89	13,44	7,95	135	59
9.2	Tỷ suất LNST / Doanh thu (2/1)	%	0,63	2,24	1,02	161	46
9.3	Tỷ suất LNST / Vốn chủ SH (2/3)	%	6,73	18,43	10,33	154	56
10	Khả năng thanh toán						
10.1	Khả năng thanh toán hiện hành (4/6)	Lần	8,38	3,69	4,34	52	118
10.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (5/7)	Lần	7,03	2,84	2,62	37	92
10.3	Khả năng thanh toán nhanh (8/7)	Lần	3,81	0,16	0,23	8	144

Ghi chú :

- Số liệu năm 2009 đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi từ vốn chủ sở hữu sang Nợ ngắn hạn.

Nhận xét chung :

Trong năm 2010, tình hình xăng dầu thế giới có nhiều biến động tăng cao, môi trường kinh doanh ngày càng gay gắt, có lúc lãi gộp xăng dầu rất thấp không đủ bù đắp chi phí, các công trình cải tạo môi trường của Thành phố gây ùn tắc giao thông ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, nhưng Công ty vẫn đạt được kết quả tốt thông qua chỉ tiêu Doanh thu năm 2010 đạt 128% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 58% so với năm 2009, chủ yếu do năm 2009 có hoàn nhập dự phòng cổ phiếu và khoản tiền đền bù khu đất tại góc đường Nguyễn Cư Trinh – Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM.



Mặc dù tổng tài sản năm 2010 đạt 99% so với năm 2009 nhưng tình hình tài chính của Công ty vẫn tốt và ổn định được thể hiện qua tốc độ tăng vốn chủ sở hữu của năm 2010 so với năm 2009 là 4%. Trong năm 2010, mọi chi phí đều tăng cao đặc biệt là chi phí lãi vay, do đó Công ty đã trả nợ vay ngân hàng để giảm tỉ lệ nợ vay xuống, làm cho chỉ tiêu nợ ngắn hạn đạt 83% so với năm 2009. Đây là nguyên nhân chính làm cho Tổng tài sản của Công ty giảm.

Công ty luôn duy trì được khả năng thanh toán được thể hiện qua các chỉ số khả năng thanh toán năm 2010 cao hơn năm 2009.

2. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh :

- Trong khu vực TP.HCM Công ty chiếm lĩnh thị phần bán lẻ xăng dầu đứng hạng thứ nhì sau Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu trực thuộc Petrolimex.
- Hệ thống CHXD của COMECO với 30 Cửa hàng có quy mô lớn, diện tích rộng, tọa lạc ở những vị trí đắc địa tại các Quận, Huyện trong nội thành.
- Là đơn vị tiên phong trong việc tích hợp 3 Hệ thống ISO 9001:2008, ISO 14001: 2004, OHSAS 18001 : 2007 và Công cụ 5S trong toàn bộ hệ thống CHXD.

3. Phân tích những biến động – những thay đổi lớn so với dự kiến :

- Kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán liên tục sụt giảm, giá xăng dầu thế giới biến động bất thường ngoài dự đoán, giá xăng dầu trong nước không điều chỉnh theo tốc độ tăng giá của thế giới ảnh hưởng nhiều đến kinh doanh và đầu tư của Công ty. Đặc biệt vào những tháng cuối năm 2010, tình hình khan hiếm xăng dầu tiếp tục xảy ra và mức chiết khấu xăng dầu giảm rất mạnh (khoảng 200 đ/lít, thu không đủ bù chi) làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Nhiều khoản chi phí trong năm 2010 tăng cao.

4. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31-12-2010.

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{357.225.567.910 \text{ đ}}{13.750.875 \text{ cp}} = 25.978 \text{ đ/cp}$$

5. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp :

Tăng VDL từ 87.840.000.000 đồng lên **141.206.280.000** đồng từ tháng 8/2010

Tương ứng với số lượng cổ phiếu tăng thêm là : **5.336.628 cp**

Trong đó : - Trả cổ tức năm 2009 bằng cp tỷ lệ 9% : 752.505 cp

- Thưởng cổ phiếu cho cổ đông tỷ lệ 2:1 : 4.584.123 cp

6. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 22-02-2011

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYÊN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	12.453.410	
2	Cổ phiếu quỹ	369.753	
3	Cổ phiếu ESOP	476.775	
	Đợt 1 : Phát hành cho năm tài chính 2006	100.000	4 năm (23/1/2008 → 23/1/2012)
	Đợt 2 : Phát hành cho năm tài chính 2007	146.775	3 năm (01/8/2008 → 01/8/2011)
	Đợt 3 : Phát hành cho năm tài chính 2008	172.000	3 năm (06/7/2009 → 06/7/2012)
	Đợt 4 :	58.000	3 năm (29/5/2010 → 29/5/2013)
4	Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược	820.690	
	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOil) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690	5 năm (23/1/2008 → 23/1/2013)
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :

Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành tại thời điểm 31-12-2010: 13.750.875 cp

8. Số lượng cổ phiếu quỹ :

- Tồn đầu kỳ 01/1/2010 : 422.835 cp
- Mua trong năm 2010 : 4.918 cp (Cổ phiếu lẻ của đợt phát hành trả cổ phiếu, trả cổ tức 9% và thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2 : 1).
- Bán trong năm 2010 : 58.000 cp (Thưởng cho CBCNV theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Năm tài chính 2009).
- Tồn cuối kỳ 31/12/2010 : **369.753 cp** (số liệu đã được kiểm toán)

9. Cổ tức năm 2010 : 15% bằng tiền mặt : 20.626.312.500 đồng

- Đợt 1 : 6% cổ tức bằng tiền : 8.250.525.000 đồng, ngày chi : 03-11-2010
- Đợt 2 : 9% cổ tức bằng tiền : 12.375.787.500 đồng, ngày chi : 16-03-2011





II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

1. Tình hình chung:

Năm 2010, nền kinh tế thế giới còn nhiều biến động bất thường do chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng kinh tế. Tình hình kinh tế trong nước mặc dù đã có sự tăng trưởng, song vẫn còn nhiều khó khăn :

- Nguồn cung xăng dầu trong Quý IV/2010, đặc biệt là tháng 12/2010 không ổn định, hiện tượng khan hiếm xăng dầu xảy ra thường xuyên, ảnh hưởng nhiều đến việc tăng tốc thi đua bán hàng của các đơn vị vào những tháng cuối năm 2010.
- Chiết khấu hoa hồng giảm (chỉ còn hơn 200 đồng/ lít xăng dầu) dẫn đến lợi nhuận của Công ty giảm mạnh trong thời điểm này.
- Giá xăng dầu, điện, nước, một số vật tư nguyên liệu, lãi suất ngân hàng tăng; tỷ giá ngoại tệ biến động; giá chứng khoán giảm,...
- Tình trạng đào đường vẫn tiếp tục kéo dài, đặc biệt các khu vực đào đường rất gần các Cửa hàng kinh doanh chủ lực của Công ty, vì vậy các xe lớn không vào được và tình trạng kẹt xe ảnh hưởng đến kinh doanh của các CHXD.
- Một số CHXD trong nội thành sản lượng không tăng hoặc tăng rất ít do một số đường vành đai đã thông xe nên xe lớn không vào nội thành nữa.
- Mặt bằng CNXD số 10 (Cửa hàng chủ lực của Công ty) bị thu hẹp từ đầu năm 2010 nên sản lượng bị giảm nhiều.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:

Trước những khó khăn trên, Ban TGD cùng với tập thể CBCNV Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả : Bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông, NLĐ trong Công ty. Kết quả như sau :

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế đều vượt mức kế hoạch năm 2010. Tốc độ tăng trưởng LNST bình quân sau 10 năm cổ phần hóa đạt **27,32%/năm**.
- Công tác đầu tư được tiến hành theo chiến lược của HĐQT và kế hoạch của TGD Công ty với một số nội dung chủ yếu như sau :
 - + Tòa nhà COMECO đã đưa vào khai thác từ tháng 8/2010.
 - + Tổng kho Xăng dầu COMECO: đầu tư gia cố bờ kè, đổ đất san lấp giai đoạn II; xây tường rào xung quanh; nộp tiền sử dụng đất (giao đất), thực hiện xong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xin Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
 - + Đầu tư và hợp tác mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu.
- Công tác Quản lý :
 - + Luôn cố gắng đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ nhân dân thành phố, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là tại thời điểm khan hiếm xăng dầu trong Quý IV/2010.

- + Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về kinh doanh. Các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty chưa bị nhắc nhở lần nào.
- + Bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích Nhà nước, cổ đông và NLD.
- + Xây dựng nhiều Quy chế và Quy định về quản lý kinh doanh.
- Công tác phát triển nguồn nhân lực: tổ chức bồi dưỡng và đào tạo cho 248 lượt người, đạt 167% kế hoạch 2010. Trong đó có đào tạo tại chỗ về kỹ năng lãnh đạo cho 42 cán bộ trẻ (2 khóa). Cử đi đào tạo 46 cử nhân, 7 cao đẳng và chuyên môn nghiệp vụ các loại,...
- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành. Báo cáo quyết toán của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Dịch vụ - Tư vấn Tài chính Kế toán Nam Việt (AASCN).

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2010

1. Xây dựng nhiều Quy chế và Quy định về quản lý, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý như : các Quy định về Quản lý Tòa nhà COMECO, Quy định về công tác Văn thư, Quy định về kinh doanh dịch vụ rửa xe, Quy định trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, Quy định về quản lý hoạt động xe bồn,...

2. Có 85 sáng kiến, giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời; đã, đang và sẽ triển khai áp dụng.

3. Tích hợp hoàn chỉnh 3 Hệ thống (ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007) vào tháng 4/2010. Duy trì và thường xuyên cải tiến Hệ thống sau khi tích hợp, được Bureau Veritas Certification (BVC) tái đánh giá, kết quả: hệ thống phù hợp và cấp giấy tái chứng nhận.

4. Duy trì thường xuyên việc xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO. Việc nói lời **“cảm ơn”** khách hàng (kể cả khách hàng nội bộ) đã có nhiều tiến bộ và được khách hàng đánh giá cao.

5. Cơ cấu tổ chức ngày càng được kiện toàn và phát huy tốt tính hiệu quả. Năm 2010, Công ty đã sát nhập Tổ Văn hóa và Tổ Thương hiệu; thành lập Ban Quản lý Tòa nhà COMECO;...



IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2011

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2011

- Doanh thu : 3.700 tỷ đồng (không bao gồm thuế GTGT)
- Lợi nhuận sau thuế : 33 tỷ đồng.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Mở rộng và phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu tại khu vực miền Đông Nam bộ. Tập trung vào khách hàng công nghiệp; giữ vững và phát triển hệ thống đại lý xăng dầu. Duy trì phong trào giới thiệu khách hàng mới, giới thiệu địa điểm cây xăng mới.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ bán lẻ. Tăng cường bán hàng giờ cao điểm, không để ùn tắc làm ảnh hưởng đến kinh doanh.
- Cải tiến chính sách bán hàng và tăng cường dịch vụ hậu mãi.
- Cải tiến mẫu mã và nâng cao chất lượng trụ bơm điện tử COMECO.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đặc biệt là phát triển các ngành nghề có tính tương hỗ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- Phát triển hợp tác, liên doanh khai thác kinh doanh kho bãi.
- Duy trì và thường xuyên cải tiến Hệ thống quản trị của Công ty.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Đầu tư để xây dựng thêm CHXD mới.
- Sửa chữa các Cửa hàng xăng dầu phù hợp với các quy định.
- Đầu tư thiết bị và công nghệ để kinh doanh nhiên liệu sạch.
- Đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng CHXD theo quy hoạch của Thành phố (Quyết định 39/2007/QĐ-UB ngày 06/3/2007 của UBND Thành phố) hoặc chủ động chuyển hướng kinh doanh để nâng cao hiệu quả.
- Đầu tư hỗ trợ cho khách hàng để giữ và thu hút khách hàng, đồng thời quảng bá hình ảnh Công ty, đặc biệt là hệ thống đại lý CHXD của COMECO theo khả năng của Công ty.
- Thực hiện các bước tiếp theo “Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO” :
 - + Thực hiện thủ tục thuê mặt nước.
 - + Tiếp tục phát hoang, san lấp bằng đất phần diện tích còn lại.
 - + Làm hàng rào phân ranh và bảo vệ đất.
 - + Thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án.
 - + Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

2.3. Nhóm giải pháp về lao động và tiền lương

- Thực hiện triệt để nói lời **“cảm ơn”** khách hàng trong toàn Công ty. Phát triển Văn hóa COMECO, đặc biệt là văn hóa ứng xử.
- Thực hiện đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và nắm bắt kịp thời các tư tưởng kinh doanh mới; huấn luyện đội ngũ nhân viên bán hàng để nâng cao tính chuyên nghiệp. Tập trung đào tạo lớp Cán bộ Quản lý trẻ.
- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng các quy định về tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.
- Xem xét chỉnh sửa và bổ sung các quy định về quy hoạch, đào tạo và chính sách đào tạo.
- Có chính sách khai thác tiềm năng trong nội bộ, phát huy tối đa sáng kiến, ý tưởng mới của toàn thể CBCNV Công ty. Khen thưởng động viên kịp thời. Ứng dụng các biện pháp cải tiến và biện pháp tiết kiệm để giảm chi phí.
- Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng để thực sự là đòn bẩy phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám.
- Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác.
- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng chuyên sâu, tái cấu trúc hoạt động một số bộ phận cho phù hợp với tình hình mới.
- Thu thập và xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh.
- Sử dụng vốn hiệu quả, kể cả vốn vay (nếu có).
- Duy trì và phát triển các phong trào chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; phong trào phát kiến ý tưởng mới (Sáng kiến, Giải pháp mới).
- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển Thương hiệu COMECO.
- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh.



Thực hiện 5S để nâng cao năng suất lao động



Phần 5

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- I. Kiểm toán độc lập*
- II. Báo cáo của ban kiểm soát*

**Phần 5****BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****I. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

- Tên đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
- Địa chỉ : Số 29 Hoàng Sa, Quận 01, Tp.Hồ Chí Minh.
- Kiểm toán viên chính thức thực hiện : Cao Thị Hồng Nga.
- Công ty Kiểm toán trên đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010 cho Công ty và không có ý loại trừ hoặc các nhận xét đặc biệt nào.

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**1. Những hoạt động của BKS năm 2010 :**

Căn cứ nhiệm vụ mục tiêu năm 2010 đã được ĐHĐCĐ thảo luận biểu quyết thông qua, BKS xây dựng kế hoạch cho công tác kiểm soát năm 2010 cụ thể như sau :

- 1.1. Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2010.
- 1.2. Giám sát các quy định nội bộ hiện hành của Công ty để kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp trong cơ chế vận hành với điều kiện kinh doanh trong bối cảnh hiện nay và các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 1.3. Phối hợp với Ban điều hành để thực hiện chức năng kiểm tra giám sát hoạt động của các phòng ban Công ty theo đúng các quy trình, quy phạm của Công ty.
- 1.4. Kiểm tra giám sát việc ra quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định Điều lệ của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và theo đúng quy định pháp luật.

2. Các ý kiến nhận xét của BKS:**2.1. Về công tác kế toán – tài chính:**

- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định như kê khai thuế đúng định kỳ, báo cáo tài chính quý, năm đúng thời gian, nộp ngân sách kịp thời đầy đủ, thực hiện việc xác nhận công nợ đúng theo qui chế đề ra, các số liệu kế toán được cập nhật nhanh chóng, trung thực chính xác, khoa học nên việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng theo quy định của Nhà nước.
- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Trong năm, BKS chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các quy định nêu trong Điều lệ. Không có phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới công việc của công ty cũng như tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật doanh nghiệp, các luật khác quy định giữa cổ đông với HĐQT, BKS, TGD điều hành.
- Các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính đã được HĐQT báo cáo trước Quý vị cổ đông là xác thực, đúng với kết quả đạt được của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
- Công ty đã hoàn thiện các phương án kinh doanh, đầu tư, nhân lực và bộ máy quản lý,... để đáp ứng yêu cầu phát triển, nâng cao hiệu quả và tính công khai minh bạch trong điều hành sản xuất kinh doanh. Đó là mấu chốt giúp Công ty thành công trong việc điều hành và hoạch định chiến lược trong kinh doanh.



2.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD :

Năm 2010, tình hình khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế vẫn còn tác động mạnh, giá xăng dầu thế giới liên tục biến động tăng, nguồn cung xăng dầu không ổn định, chiết khấu hoa hồng giảm và nhiều khó khăn khách quan khác đã tác động đến hoạt động của Công ty. Để ổn định và phát triển kinh doanh, đồng thời để giữ được vị thế của COMECO trên thương trường và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã có những chiến lược kinh doanh cho phù hợp với tình hình mới dựa trên nội lực của mình như:

- Phát triển mạng lưới bán lẻ, xây dựng văn hóa và phát triển thương hiệu để nâng cao uy tín Thương hiệu COMECO, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng để giữ và thu hút khách hàng.
- Tiết giảm chi phí một cách hiệu quả nhất để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do vậy, trong tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu chưa phục hồi nhưng Công ty vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá cao hàng năm, bền vững và góp phần ổn định giá cả thị trường. Để đạt được những kết quả như trên, HĐQT và Ban TGD Công ty đã có nhiều nỗ lực, quyết định kinh doanh phù hợp, kịp thời nhạy bén để giảm thiểu rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trước những dự báo khó khăn còn tiếp diễn, HĐQT và TGD Công ty đã nhận thức một cách đầy đủ, luôn thể hiện bản lĩnh, tự tin, quản lý điều hành với tinh thần năng động sáng tạo; đồng thời truyền tải thông điệp đến NLD và cùng nhau quyết tâm hợp lực để biến sự khó khăn thành cơ hội cho Công ty. Từ đó đưa ra quyết định mang tính chiến lược, chiến thuật nhằm giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn bằng việc phát huy nội lực thông qua quá trình cạnh tranh năng động. HĐQT đã đề cao trách nhiệm trước cổ đông, làm tốt công tác dự báo tình hình kinh doanh và các hoạt động khác. Từ đó đề ra các quyết sách đúng đắn, chỉ đạo điều hành kịp thời năng động, linh hoạt, sáng tạo, trong thực hiện hiện tại cũng như lâu dài cho COMECO. HĐQT và Ban TGD đã thực hiện đúng nguyên tắc, đúng pháp luật, có cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ phận phòng ban của Công ty cũng như ngoài xã hội để đưa Công ty ngày càng phát triển và có thương hiệu vững chắc trên thương trường.

Để đạt được thành tích đáng tự hào như trên, ngoài sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo, các cơ quan chức năng, các đối tác, khách hàng; còn là sự nỗ lực của tập thể CBCNV Công ty. Chính niềm tự hào này đã gắn đội ngũ CBCNV thành một khối thống nhất và từ đó phát kiến những ý tưởng, sáng kiến mang lại lợi ích cho Công ty. Phát huy những thành tích đã đạt được, CBCNV Công ty đã chủ động đề ra các mục tiêu, kế hoạch phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

Các nội dung và số liệu báo cáo của BKS trước Quý Cổ đông ngày hôm nay đã được thực hiện kiểm soát độc lập, theo đúng quy định, đúng thẩm quyền và trách nhiệm của BKS.

Kính báo ĐHCĐ. Xin cảm ơn, kính chúc Quý Cổ đông mạnh khỏe, phát đạt.

ỦY VIÊN

Nguyễn Hữu Hoàng

ỦY VIÊN

Phạm Văn Khoa

BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Khắc Hồng Lan



Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO
Tham dự Hội thảo "Cạnh tranh và chiến lược công ty ngày nay"
do Giáo sư Michael Porter chủ trì



Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO (hàng đầu, thứ 5 từ phải)
nhận Giải thưởng "Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2009"



Phần 6

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN





Phần 6

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty : Không có
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ : Không có
3. Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan :

3.1. Đầu tư mua cổ phiếu :

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2010

(Từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ		MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
			SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Cty Thương nghiệp Cà Mau	CMV	150.000	3.450.000	46.350				196.350	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	3.720	46.600					3.720	46.600
3	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	LGC	275.790	7.019.997					275.790	7.019.997
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	101.110	3.231.305					101.110	3.231.305
5	Cty cp Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ	214.000	18.189.500	107.000				321.000	18.189.500
6	Cty cp CK Sài Gòn	SSI	81.000	6.169.700	81.000				162.000	6.169.700
7	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	132.376	4.782.865	132.376	992.820			264.752	5.775.685
8	Cty cp Bến xe Miền Tây	WCS	44.300	775.250					44.300	775.250
9	Cty cp Cà phê Petec		43.800	444.000					43.800	444.000
10	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		100.000	1.000.000	100.000	1.000.000			200.000	2.000.000
11	Cty cp VT XD Petec		26.990	272.599					26.990	272.599
12	Cty Cp KD Dầu Quốc tế		160.000	1.600.000			160.000	1.791.810	0	0
13	Cty Cp Quê Hương Liberty		500.000	17.500.000			500.000	19.000.000	0	0
14	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000.000					1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		2.833.086	74.481.816			660.000	20.791.810	2.639.812	57.374.636

Ghi chú :

- Cách hạch toán khi bán cổ phiếu : + Giá vốn : giá mua cổ phiếu tính theo giá bình quân
- + Giá bán : giá thị trường tại thời điểm giao dịch

3.2. Đầu tư mua cổ phiếu :

3.2.1. Các công ty đã niêm yết :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CMV	HAX	LGC	PMS	PNJ	SSI	TMC	WCS
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Doanh thu thuần	<i>Tr đ</i>	3.527.573	1.004.481	218.371	432.398	13.752.381	1.503.367	1.588.852	41.054
2	Lợi nhuận trước thuế (PBT)	<i>Tr đ</i>	39.106	19.839	46.503	11.553	263.892	902.819	28.369	21.177
3	Lợi nhuận sau thuế (PAT)	<i>Tr đ</i>	30.224	11.882	37.522	9.235	211.341	689.469	21.463	17.629
4	Tổng giá trị tài sản	<i>Tr đ</i>	399.530	296.376	384.766	165.597	2.201.860	8.792.895	335.777	70.939
5	Vốn chủ sở hữu	<i>Tr đ</i>	126.661	118.320	155.231	88.824	1.046.886	5.459.312	132.533	52.938
6	Vốn điều lệ	<i>Tr đ</i>	95.793	80.558	82.836	52.000	599.991	3.511.117	80.000	25.000
7	KLCP đang lưu hành BQ	<i>Cp</i>	9.579.338	8.055.846	8.283.561	5.174.110	59.998.433	350.711.972	7.999.943	2.500.000
8	Cổ phiếu ngân quỹ	<i>Cp</i>	0	0	0	25,890	709	399,770	57	0
9	LN sau thuế/DT thuần (3/1)	%	0,86	1,18	17,18	2,14	1,54	45,86	1,35	42,94
10	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) (3/5)	%	23,86	10,04	24,17	10,40	20,19	12,63	16,19	33,30
11	LN sau thuế/Vốn điều lệ (3/6)	%	31,55	14,75	45,30	17,76	35,22	19,64	26,83	70,52
12	Thu nhập trên mỗi CP (EPS) (3/7)	<i>Đồng</i>	3.155	1.475	4.530	1.785	3.522	1.966	2.683	7.052
13	Giá thị trường (P) (ngày 31/12)	<i>Đồng</i>	26.800	13.900	29.800	21.600	35.600	32.000	25.000	43.800
14	Giá thu nhập (P/E) (13/12)	<i>Lần</i>	8	9	7	12	10	16	9	6
15	Giá trị CP trên sổ sách	<i>Đồng</i>	13.222	14.687	18.740	17.167	17.449	15.566	16.567	21.175
16	Giá trị vốn hóa (31/12/2010)	<i>Tr đ</i>	256.726	111.976	246.850	111.761	2.135.944	11.222.783	199.999	109.500

- Nguồn số liệu : Báo cáo tài chính đã kiểm toán do các công ty cung cấp.

- Các công ty niêm yết : Mặc dù nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, chi phí các yếu tố đầu vào tăng cao (điện, nước, nguyên vật liệu...) tuy nhiên các công ty trên đều đạt được kết quả kinh doanh tương đối khả quan (trong đó nổi bật nhất là LGC lợi nhuận sau thuế năm 2010 tăng 128,88% so với năm 2009 do chuyển nhượng được một số căn hộ trong chung cư Lữ Gia). Các công ty trên không có đơn vị nào nằm trong diện bị kiểm soát của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



3.2.2. Các công ty chưa niêm yết (OTC) :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÀ PHÊ PETEC	Ô TÔ CẦN THƠ	VIỆT TÍN	VẬT TƯ XĂNG DẦU PETEC
A	B	C	1	2	3	4
1	Doanh thu thuần	Tr đ	1.703.154	62.310	94.058	531.939
2	Lợi nhuận trước thuế (PBT)	Tr đ	10.040	-2.373	3.737	86
3	Lợi nhuận sau thuế (PAT)	Tr đ	7.715	-2.373	3.331	26
4	Tổng giá trị tài sản	Tr đ	235.600	36.968	196.831	81.955
5	Vốn chủ sở hữu	Tr đ	44.899	15.896	71.298	27.739
6	Vốn điều lệ	Tr đ	30.000	10.000	65.750	25.500
7	KLCP đang lưu hành BQ	Cp	3.000.000	1.749.395	6.575.000	2.550.000
8	Cổ phiếu ngân quỹ	Cp	0	0	0	0
9	LN sau thuế/DT thuần (3/1)	%	0,453	-3,808	3,541	0,005
10	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) (3/5)	%	17,182	-14,927	4,671	0,093
11	LN sau thuế/Vốn điều lệ (3/6)	%	25,715	-23,729	5,066	0,101
12	Thu nhập trên mỗi CP (EPS) (3/7)	Đồng	2.572	-1.356	507	10
13	Giá trị CP trên sổ sách	Đồng	14.966	9.087	10.844	10.878

- Nguồn số liệu : Do các công ty cung cấp.

- Công ty Ô tô Cần Thơ năm 2010 lỗ do ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế thế giới, chênh lệch tỷ giá, chính sách của Nhà nước thay đổi... dẫn đến nhu cầu mua xe giảm làm cho doanh thu của Công ty bị sụt giảm đáng kể. Mặt khác công ty tập trung đầu tư showroom Mercedes tại Cần Thơ làm cho chi phí tăng cao, nhưng chưa đưa vào khai thác sử dụng. Các công ty còn lại đều kinh doanh có lãi, hoạt động ổn định.



Bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO (hàng đầu, thứ 3 từ phải) nhận Giải thưởng “Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2009”

3.3. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN
(Tính đến 31/12/2010)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SLCP (cp)	GIÁ MUA BQ (đ/cp)	GIÁ 31/12/10 (đ/cp)	CL ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ C.LỆCH (1.000đ)	ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG 31/12/2009	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP 31/12/2010
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7
1	Cty Thương nghiệp Cà Mau	CMV	196.350	17.571	26.800	9.229	1.812.180	0	
2	Cty cp DV Ô tô Hàng Xanh	HAX	3.720	12.527	13.900	1.373	5.108	0	
3	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	LGC	275.790	25.454	29.800	4.346	1.198.545	0	
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	101.110	31.958	21.600	-10.358	-1.047.329	-1.583.212	535.883
5	Cty cp Vàng bạc Đá quý PN	PNJ	321.000	56.665	35.600	-21.065	-6.761.900	-5.456.500	-1.305.400
6	Cty cp Chứng khoán SG	SSI	162.000	38.085	32.000	-6.085	-985.700	0	-985.700
7	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	25.000	3.185	843.115	0	
8	Cty cp Bến xe Miền Tây		44.300	17.500	17.500	0	0	0	
9	Cty cp Cà phê Petec		43.800	10.137	10.137	0	0	0	
10	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000	10.000	10.000	0	0	0	
11	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec		26.990	10.100	10.100	0	0	0	
12	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000	10.000	0	0	0	
	TỔNG CỘNG		2.443.462				-8.794.929	-7.039.712	-1.755.217

Ghi chú :

- Mệnh giá : 10.000 đ/cp.

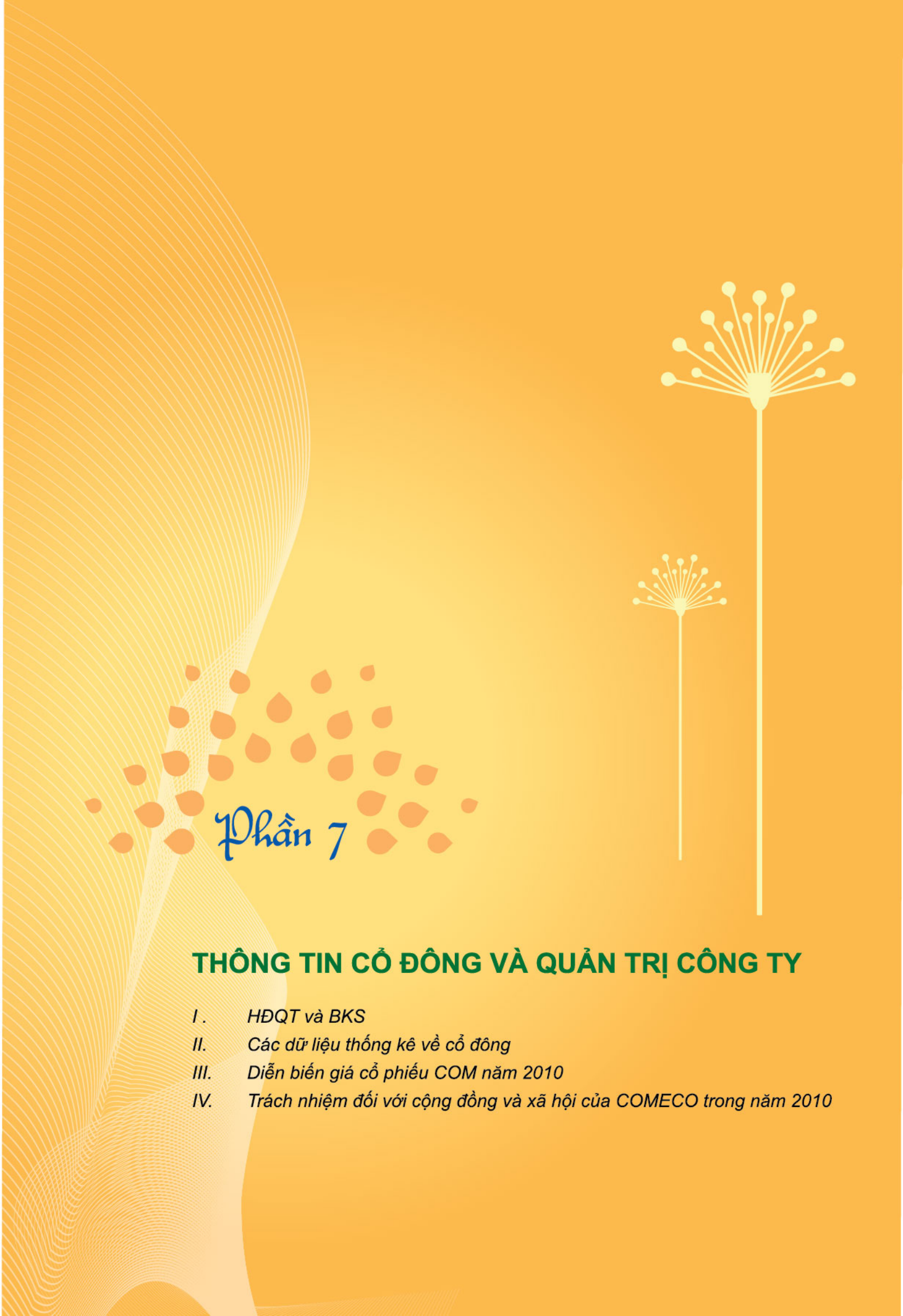
- Cột 3 : Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2010 được tính như sau :

+ Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch : cổ phiếu CMV, HAX, LGC, PMS, PNJ, SSI, TMC.

+ Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào (đa số được mua với giá tương đối thấp) : 5 cổ phiếu còn lại.

- Tổng số đã trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu ngày 31-12-2009 là : 7,039712 tỷ đồng. Năm 2010 trích dự phòng bổ sung là : 1,755217 tỷ đồng.





Phần 7

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. *HĐQT và BKS*
- II. *Các dữ liệu thống kê về cổ đông*
- III. *Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2010*
- IV. *Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội của COMECO trong năm 2010*

**Phần 7****THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT****1. Hoạt động của HĐQT :****1.1. Hoạt động chung :**

* Năm 2010, các thành viên HĐQT Công ty với vai trò đại diện cho các cổ đông của COMECO đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành sản xuất kinh doanh và đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong năm 2010, HĐQT Công ty đã tổ chức một kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2009 và 14 phiên họp HĐQT định kỳ để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, đồng thời kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của Ban TGD.

* Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên HĐQT. Cụ thể năm 2010 đã thông qua :

- Báo cáo tài chính năm 2009 (đã kiểm toán); Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010; Kế hoạch, chương trình và toàn bộ các văn kiện trình ĐHĐCĐ năm tài chính 2009; Chương trình cổ phiếu thường năm 2009 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1.
- Thông qua kết quả kiểm phiếu biểu quyết xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về nội dung niêm yết bổ sung cổ phiếu COM phát hành thêm để trả cổ tức năm 2009 (9% bằng cổ phiếu).
- Thông qua dự án đầu tư CHXD mới.
- Thống nhất tham gia đấu giá để đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC; góp vốn mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).
- Kiểm điểm kết quả thực hiện công việc được phân công các thành viên HĐQT, Ban TGD năm tài chính 2009.
- Thông qua nội dung mở các Chi nhánh (CHXD) và cử người đứng đầu Chi nhánh.
- Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 (đã soát xét) và chi cổ tức đợt 1/2010 (bằng tiền mặt): 6%/VĐL. Thời gian chi: sau khi thực hiện xong thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2:1.
- Thống nhất các số liệu và nội dung Báo cáo kết quả thực hiện Tài chính - sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2010. Báo cáo tài chính đã soát xét Quý III/2010. Chương trình công tác Quý IV/2010.
- Bổ nhiệm ông Lê Tấn Thương, Ủy viên HĐQT – GĐKD làm Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty.
- Thống nhất vay vốn tại Chi nhánh ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.



- Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của Công ty :
 - + Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đại diện BKS Công ty và đều có Thư ký Công ty (bà Trần Thị Hồng Linh – Phó TGD Công ty) ghi biên bản chi tiết và Nghị quyết của cuộc họp, các Biên bản họp đều có chữ ký của các thành viên HĐQT.
 - + Nghị quyết của HĐQT được phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý mảng công việc được phân công.
 - + Quy định rõ các chế độ thông tin, báo cáo và chế độ trách nhiệm đối với từng thành viên.

1.2. Giám sát hoạt động của TGD :

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của TGD nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản lý rủi ro, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho sự phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa cho lợi ích của Công ty, Nhà nước, Cổ đông và đối tác, khách hàng cũng như quyền lợi NLD.

Năm 2010, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty:

- Thường xuyên rà soát lại các dự án đầu tư và kiểm tra tình hình tài chính để quản lý chặt chẽ các chi phí, ngăn chặn và hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Kết quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư được Công ty thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản. Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, hàng quý đều có thực hiện kiểm tra quyết toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.
- HĐQT Công ty đã chủ động triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế, quy định quản trị của Công ty với việc tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong các mặt hoạt động của COMECO.
- Hoạt động của TGD luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tạo tiền đề cho việc phát triển bền vững. Để làm được việc này, ngoài việc mở rộng và phát triển các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng thì vấn đề quản trị rủi ro là một trong những nội dung quan trọng được tập trung quán triệt từ HĐQT, BKS, Ban TGD đến từng đơn vị. Đặc biệt là tình hình công nợ, hàng tháng Công ty đều có kiểm tra công nợ và thường xuyên nhắc nhở việc thu hồi công nợ, đảm bảo kinh doanh hiệu quả và bảo toàn vốn.

1.3. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty :

Cán bộ quản lý Công ty gồm có các Phó TGD và Kế toán trưởng.

- Các cán bộ quản lý Công ty hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của HĐQT và TGD. HĐQT kiểm soát theo kết quả công việc được phân công.
- HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty theo các Quy chế và Quy định đã ban hành và theo kết quả công việc được phân công.

Các hoạt động của TGD và cán bộ quản lý Công ty ngoài việc giám sát của HĐQT còn có sự giám sát chặt chẽ của BKS Công ty, BKS nội bộ và các bộ phận quản lý khác nhằm kịp thời phát hiện và khắc phục những điểm yếu, đảm bảo cho sự phát triển liên tục của Công ty. Vì vậy, trong năm qua đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí cũng như các rủi ro trong tác nghiệp.



2. Hoạt động của BKS :

- BKS của Công ty thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, có quyền tiếp cận đến tất cả các thông tin và tài liệu có liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Trong suốt quá trình hoạt động BKS luôn nhận được sự thuận lợi trong việc cung cấp thông tin của các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý Công ty; ngoài ra còn được sự hỗ trợ tích cực của BKS Nội bộ Công ty.
- BKS họp 3 lần.
- Thực hiện việc giám sát các hoạt động của Công ty một cách hiệu quả và thực hiện đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cổ đông.

3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS, Ban TGD :

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.
- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS, Ban TGD. Các ý kiến thảo luận của BKS, Ban TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.
- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Ban TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực : Cử các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý của Công ty tham gia các khóa học về quản trị, CEO, CFO, Tư tưởng kinh doanh, Kỹ năng lãnh đạo, Quản lý khủng hoảng, Nâng cao năng lực lãnh đạo, Phân tích tài chính – Đầu tư cao cấp,... do các trường trong nước hoặc các chuyên gia nước ngoài giảng dạy để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận với các kiểu quản lý hiện đại trên thế giới; Công ty cũng có thể thuê chuyên gia cao cấp trong nước hoặc nước ngoài.
- Sắp xếp bộ máy quản lý theo hướng vừa linh hoạt vừa chuyên sâu để vừa đảm bảo tính chuyên nghiệp vừa thuận lợi trong sử dụng lao động.
- Hoàn thiện quy trình quản trị Công ty theo các mô hình quản trị tiên tiến.
- Cải tiến liên tục và áp dụng tích hợp Hệ thống Quản lý Chất lượng với 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương vào mô hình quản lý của COMECO.
- Có các chính sách giữ và thu hút lao động chất xám, lao động kinh nghiệm một cách hiệu quả như đãi ngộ về tiền lương, thưởng; thưởng cổ phiếu ESOP, mua bảo hiểm nhân thọ; trợ cấp khi khó khăn,...

5. Thù lao cho HĐQT và BKS :

Năm 2010 đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 28-4-2010 như sau :

- Thù lao cho HĐQT : 240.000.000 đ (BQ : 4 triệu đồng/người/tháng)
- Thù lao cho BKS : 86.400.000 đ (BQ : 2,4 triệu đồng/người/tháng)
- Tổng cộng năm 2010 : 326.400.000 đ.**

6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 9/9 người.

7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT :

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD, BAN KS VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM

(Tại thời điểm 22-02-2011)

Đơn vị tính : cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TC SLCP	%VĐL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
I	HĐQT		511.385		549.730	1.061.115	7,51
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT - TGD	142.600	Em : Trương Đức Phụng	364.150	506.750	3,59
2	Huỳnh Nguyên Triệu	UV HĐQT - Phó TGD	142.780	Vợ : Nguyễn Thị Lùng	88.810	231.590	1,64
5	Phạm Công Quyền	UV HĐQT - GĐTC	100.005	Vợ : Vũ Bích Ngọc	40.000	140.005	0,99
6	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - Phó TGD	68.470	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	107.380	0,76
7	Đinh Viết Thắng	UV HĐQT – GĐKD	57.530	Vợ : Bùi Thu Hạnh	17.860	75.390	0,53
II	Ban TGD		85.920		23.930	109.850	0,78
1	Trần Thị Hồng Linh	Phó TGD	85.920	Con : Trần Thị Tố Như	11.860	109.850	0,78
				Em : Trần Thị Thanh Nam	12.070		
	CỘNG (I+II)		597.305		573.660	1.170.965	8,29
III	BKS		56.310		280	56.590	0,40
1	Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng BKS	14.140			14.140	0,10
2	Phạm Văn Khoa	UV BKS - GĐĐT	20.000	Vợ : Lê Thị Hồng Anh	280	20.280	0,14
3	Nguyễn Hữu Hoàng	UV BKS - Phó GĐTC	22.170			22.170	0,16
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		653.615		573.940	1.227.555	8,69



Thường xuyên tập huấn công tác PCCC cho CBCNV của Công ty

8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và người có liên quan :

BẢO CÁO THỰC HIỆN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Đơn vị tính : cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	01/01/2010	PHÁT SINH NĂM 2010		22/02/2011
				TĂNG	GIẢM	
A	B	C	1	2	3	4 (1+2+3)
I	HĐQT		823.485	437.630	200.000	1.061.115
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT – TGD	90.120	52.480		142.600
	Em : Trương Đức Phương		242.770	121.380		364.150
2	Huỳnh Nguyên Triệu	UV HĐQT - Phó TGD	92.180	50.600		142.780
	Vợ : Nguyễn Thị Lùng		192.540	96.270	200.000	88.810
3	Phạm Công Quyền	UV HĐQT – GĐTC	62.745	37.260		100.005
	Vợ : Vũ Bích Ngọc		25.920	14.080		40.000
4	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - Phó TGD	43.060	25.410		68.470
	Vợ : Dương Thị Đài Trang		25.940	12.970		38.910
5	Đinh Viết Thắng	UV HĐQT - GĐKD	36.300	21.230		57.530
	Vợ : Bùi Thu Hạnh		11.910	5.950		17.860
II	Ban TGD		69.380	40.470	0	109.850
1	Trần Thị Hồng Linh	Phó TGD	54.140	31.780		85.920
	Con : Trần Thị Tố Như		7.280	4.580		11.860
	Em : Trần Thị Thanh Nam		7.960	4.110		12.070
	CỘNG (I+II)		892.865	478.100	200.000	1.170.965
III	BKS		42.110	24.830	10.350	56.590
1	Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng BKS	9.430	4.710		14.140
2	Phạm Văn Khoa	UV BKS - GĐĐT	19.050	11.300	10.350	20.000
	Vợ : Lê Thị Hồng Anh		190	90		280
3	Nguyễn Hữu Hoàng	UV BKS - Phó GĐTC	13.440	8.730		22.170
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		934.975	502.930	210.350	1.227.555



Tổ chức cho khách hàng đi tham quan và tìm hiểu thị trường ở nước ngoài



9. Thông tin về các giao dịch của cổ đông lớn :

DANH SÁCH 9 CỔ ĐÔNG LỚN

(Tại thời điểm 22-02-2011)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 18/10/2010		TĂNG GIẢM (cp)	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 22/02/2011	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
1	2	3	4	5	6	7	5	6
1	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	2.846.620	20,16	119.340	2.846.620	20,16
2	Tổng Công ty Dầu Việt Nam Công ty TNHH Một thành viên (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	3.444.390	24,39	10.490	3.444.390	24,39
3	Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn (SAMCO)	262 - 264 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.HCM	Công nghiệp, Vận tải, ... (đa ngành)	722.580	5,12	0	722.580	5,12
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Ngân hàng	754.380	5,34	0	754.380	5,34
5	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	72 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp.HCM	Chứng khoán	693.240	4,91	0	693.240	4,91
6	Cty Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư (Petec)	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	476.620	3,38	0	476.620	3,38
7	Bà Trương Đức Hạnh và người có liên quan	11 Cao Bá Nhạ, Q.1, Tp.HCM	CT HĐQT - TGD COMECO	506.750	3,59	0	506.750	3,59
8	Ông Huỳnh Nguyên Triệu và người có liên quan	189B Lạc Long Quân, Q.10, Tp.HCM	UV HĐQT - P.TGD COMECO	331.590	2,35	-100.000	331.590	2,35
9	Ông Châu Văn Phương	650/26 Điện Biên Phủ, Q.10, Tp.HCM	Trưởng chi nhánh 21 COMECO	216.760	1,54	0	216.760	1,54
	TỔNG CỘNG			9.992.930	70,77	29.830	9.992.93	70,77

II. CÁC DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG :

1. Cổ đông trong nước và nước ngoài :

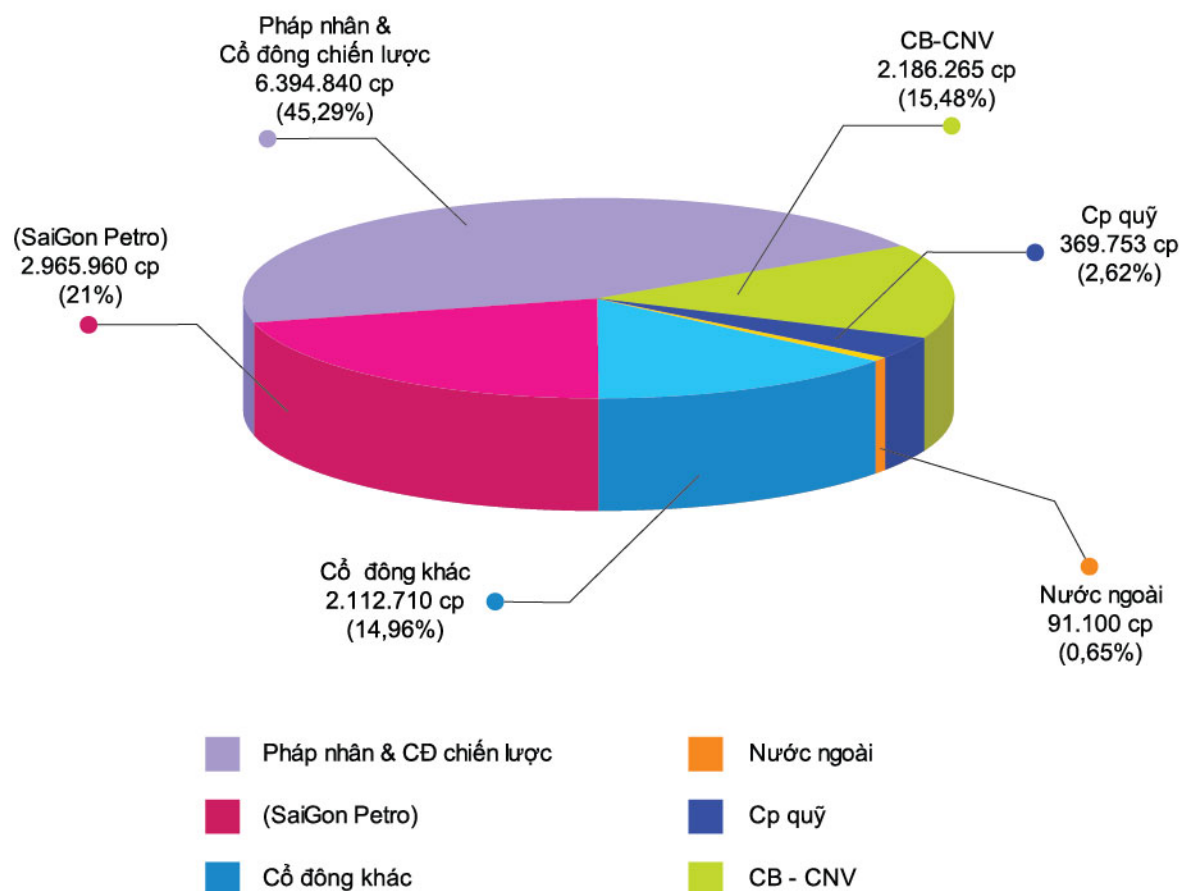
TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SL CỔ PHẦN (cp)	TL/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước		14,029,528	99.35
1	Pháp nhân	12	9,730,553	68.91
2	Cá nhân	487	4,298,975	30.44
II	Cổ đông nước ngoài		91,100	0.65
1	Pháp nhân	5	9,020	0.06
2	Cá nhân	90	82,080	0.58
	TỔNG CỘNG (I+II)		14,120,628	100



2. Cơ cấu cổ đông :

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Tại thời điểm 22/02/2011)



III. DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2010

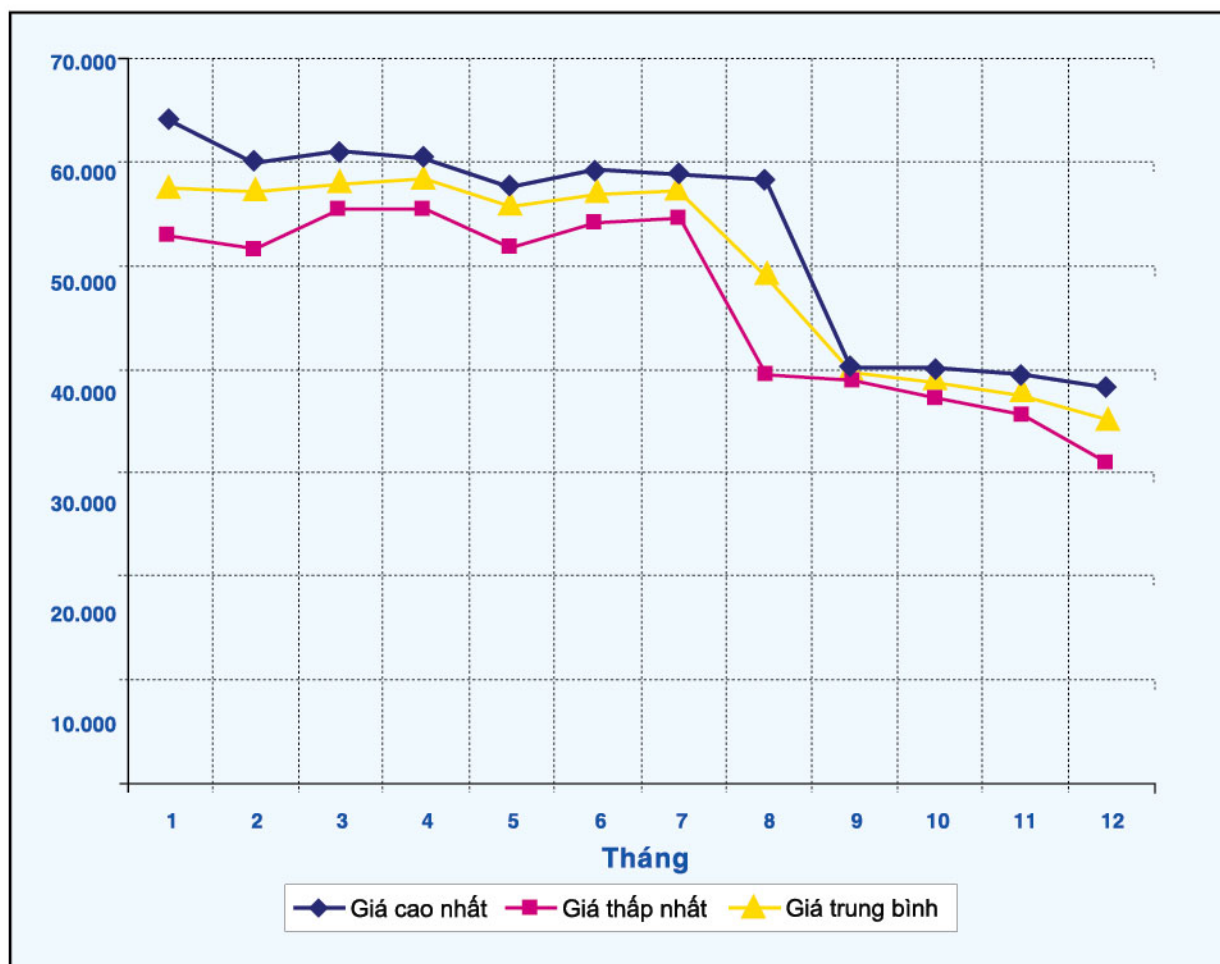
BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2010

MỨC ĐỘ	THÁNG 1/2010	THÁNG 2/2010	THÁNG 3/2010	THÁNG 4/2010	THÁNG 5/2010	THÁNG 6/2010	THÁNG 7/2010	THÁNG 8/2010	THÁNG 9/2010	THÁNG 10/2010	THÁNG 11/2010	THÁNG 12/2010	BQ 2010
Cao nhất	62.500	58.500	59.500	59.000	56.500	58.000	57.500	57.000	40.000	40.000	39.500	38.500	52.208
Thấp nhất	52.000	51.000	54.500	54.500	51.000	53.000	53.500	39.500	39.000	37.500	36.000	31.700	46.100
Trung bình	56.156	56.000	56.682	56.972	54.625	55.833	55.941	48.250	39.700	38.750	37.708	35.575	49.154

Ghi chú:

Ngày 27/8/2010, chốt danh sách phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 tăng vốn điều lệ từ 95,36 tỷ đồng lên 141,206 tỷ đồng làm cho giá cổ phiếu điều chỉnh từ 56.000 đồng xuống 39.500 đồng.

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2010



Ghi chú :

Ngày 27/8/2010, chốt danh sách phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 tăng vốn điều lệ từ 95,36 tỷ đồng lên 141,206 tỷ đồng làm cho giá cổ phiếu điều chỉnh từ 56.000 đồng xuống 39.500 đồng.



Đoàn cán bộ chủ chốt của COMECO
trong chuyến đi tham quan các nước Châu Âu đầu năm 2011



IV. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI CỦA COMECO TRONG NĂM 2010

1. Đối với cộng đồng và xã hội :

Thái độ của **COMECO** đối với cộng đồng và xã hội là :

“Bảo vệ sức khỏe – Giữ gìn môi trường – Hòa hợp cộng đồng”.

Với ý thức trách nhiệm trên, trong quá trình hoạt động COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo cho các gia đình chính sách và chia sẻ nỗi đau là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Ngoài việc thăm hỏi, năm 2010 COMECO còn đóng góp tổng số tiền : **745.850.000** đồng để thực hiện các nội dung như : Xây tặng nhà tình nghĩa; nhà tình thương; ủng hộ quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo; giúp đỡ đồng bào thiên tai bão lụt, hỏa hoạn; tiếp sức học sinh, sinh viên đến trường; ủng hộ đồng bào nghèo ăn Tết, ...

2. Đối với khách hàng và đối tác :

Thái độ của **COMECO** đối với khách hàng là :

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win”.

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia.

3. Đối với cổ đông và nhà đầu tư :

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ :

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”.

4. Đối với công nhân viên (NLĐ) :

COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý, là tài sản của doanh nghiệp, các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định. Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLĐ; Khuyến khích, động viên NLĐ tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; Đồng thời luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện :

“Bản sắc nhân văn - Đề cao giá trị đạo đức truyền thống”.

Với tinh thần đề cao giá trị đạo đức truyền thống, văn hóa COMECO **“nói lời cảm ơn khách hàng”** luôn được toàn thể CBCNV tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi gắm đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội luôn được COMECO thực hiện với triết lý kinh doanh :

“Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”.

Tp. HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2011

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT TƯ
XĂNG DẦU
ĐOÀN T. TP. HỒ CHÍ MINH

(Chữ ký)
Trương Đức Hạnh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010





Phần 8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

A. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGD Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

B. KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 0300450673 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 06/04/2010.

Hoạt động của Công ty là: Xuất, nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị cho trạm xăng và phương tiện giao thông vận tải. Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Cho thuê văn phòng, kho bãi, dịch vụ rửa xe. Vận chuyển hàng hóa, hành khách (nội ngoại thành và liên tỉnh). Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật và đối với vận chuyển xăng dầu chỉ hoạt động khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). Mua bán phân bón. Cho thuê nhà ở. Mua bán khẩu trang. Mua bán xe ô tô, xe mô tô, xe máy, vải, hàng may mặc, giày dép, quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, thiết bị điện tử viễn thông – điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bổ sung kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi, thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in), thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (điều hoà không khí, lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, thiết bị vệ sinh), thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng. Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn xây dựng. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán). Đại lý dịch vụ bưu chính - viễn thông (trừ đại lý truy nhập internet). Kinh doanh bất động sản./.

Trụ sở chính của Công ty tại 11 Cao Bá Nhạ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

C. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

D. HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Các thành viên của HĐQT trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trương Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Huỳnh Nguyên Triệu	Ủy viên
Ông Phạm Công Quyền	Ủy viên
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên
Ông Đinh Viết Thắng	Ủy viên

E. BÁO CÁO CỦA BAN TGD (tiếp theo)

Các thành viên của Ban TGD trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trương Đức Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Nguyên Triệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Thương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của BKS trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Hoàng	Thành viên
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên

F. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

G. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TGD ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban TGD Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban TGD Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- *Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- *Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- *Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- *Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban TGD Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban TGD Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban TGD



[Signature]

Trương Đức Hạnh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 16 tháng 01 năm 2011



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84.8) 39103908; 39104881 - Fax: (84.8) 39104880

Số : 32/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010
của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 16/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban TGD Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của TGD cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật tư - Xăng dầu tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2011

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan

Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga

Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		265.481.180.791	347.877.887.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.936.221.124	19.610.913.495
1. Tiền	111		12.844.554.457	19.610.913.495
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.091.666.667	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	48.579.707.000	67.442.104.400
1. Đầu tư ngắn hạn	121		57.374.636.000	74.481.816.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.794.929.000)	(7.039.711.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.900.717.421	80.264.567.206
1. Phải thu khách hàng	131		50.248.810.615	41.763.462.150
2. Trả trước cho người bán	132		49.268.145.138	36.946.097.852
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	2.383.761.668	1.555.007.204
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	83.324.158.476	174.856.909.492
1. Hàng tồn kho	141		84.017.990.010	175.561.970.100
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(693.831.534)	(705.060.608)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.740.376.770	5.703.392.974
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		402.553.894	690.554.468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.620.345.356	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	6.717.477.520	5.012.838.506
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.845.719.870	122.704.224.197
I. Tài sản cố định	220		194.687.719.870	122.704.224.197
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	109.143.006.987	20.739.273.445
- Nguyên giá	222		145.615.592.349	53.092.776.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.472.585.362)	(32.353.502.993)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	20.367.220.797	11.182.064.862
- Nguyên giá	228		22.500.584.020	12.874.584.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.133.363.223)	(1.692.519.158)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	65.177.492.086	90.782.885.890
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.158.000.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	4.158.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		464.326.900.661	470.582.111.764

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.101.332.751	127.577.720.083
I. Nợ ngắn hạn	310		101.427.192.400	122.158.911.881
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	24.700.000.000	59.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		48.673.532.920	19.225.643.027
3. Người mua trả tiền trước	313		1.334.018.464	1.790.437.982
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.413.086.967	14.696.922.641
5. Phải trả NLĐ	315		13.735.319.998	15.527.235.995
6. Phải trả nội bộ	317		55.401.755	55.401.755
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	4.455.810.949	8.582.161.159
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.060.021.347	3.281.109.322
II. Nợ dài hạn	330		5.674.140.351	5.418.808.202
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.302.425.005	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	4.011.009.806	5.058.102.662
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		360.705.540	360.705.540
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		357.225.567.910	343.004.391.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	357.225.567.910	343.004.391.681
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	87.840.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		138.228.344.134	159.069.574.134
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		17.231.435.343	16.184.342.487
4. Cổ phiếu quỹ	414		(14.946.154.700)	(18.001.078.300)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		34.916.995.280	28.594.611.280
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.630.287.750	4.365.811.750
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.958.380.103	64.951.130.330
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		464.326.900.661	470.582.111.764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		152,94	152,94
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền



Trương Đức Hạnh



BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.616.801.420.380	2.821.219.829.270
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.616.801.420.380	2.821.219.829.270
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.469.540.156.193	2.658.098.188.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		147.261.264.187	163.121.641.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.570.787.859	9.979.055.025
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.212.424.030	(9.658.757.378)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.456.802.537	1.473.635.622
8. Chi phí bán hàng	24		90.682.717.327	101.269.566.858
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.316.929.991	12.377.906.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.619.980.698	69.111.979.588
11. Thu nhập khác	31		-	18.039.999.800
12. Chi phí khác	32		-	2.853.791.747
13. Lợi nhuận khác	40		-	15.186.208.053
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.619.980.698	84.298.187.641
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	11.701.305.425	21.074.350.749
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.918.675.273	63.223.836.892
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	2.697	4.625

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2011

Tổng giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền



Trương Đức Hạnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.619.980.698	84.298.187.641
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.559.926.434	4.848.145.406
- Các khoản dự phòng	03	1.755.217.400	(11.787.575.883)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.559.282.136)	(27.923.810.032)
- Chi phí lãi vay	06	1.456.802.537	1.473.635.622
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.832.644.933	50.908.582.754
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.961.134.585)	(31.714.884.505)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	91.532.751.016	(122.475.252.015)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.934.372.964	14.193.364.123
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.869.999.426)	11.617.946
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.456.802.537)	(1.473.635.622)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.846.309.895)	(12.434.168.706)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.302.425.005	7.946.878.506
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.201.796.975)	(6.404.334.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	108.266.150.500	(101.441.831.678)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(76.543.422.107)	(28.472.025.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	18.039.999.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	(2.604.320.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ	24	-	2.604.320.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.202.820.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26	20.791.809.609	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	5.867.472.527	9.671.935.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(53.086.959.971)	(760.090.398)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	2.752.000.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(106.076.400)	(34.994.174.600)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	218.500.000.000	426.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(252.800.000.000)	(367.000.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.447.806.500)	(2.442.304.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(51.853.882.900)	24.315.520.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.325.307.629	(77.886.401.176)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.610.913.495	97.497.314.671
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	22.936.221.124	19.610.913.495

TPHCM, ngày 16 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trương Đức Hạnh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 0300450673 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 06/04/2010.

Trụ sở chính của Công ty tại 11 Cao Bá Nhạ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Xuất, nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị cho trạm xăng và phương tiện giao thông vận tải. Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Cho thuê văn phòng, kho bãi, dịch vụ rửa xe. Vận chuyển hàng hóa, hành khách (nội ngoại thành và liên tỉnh). Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật và đối với vận chuyển xăng dầu chỉ hoạt động khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). Mua bán phân bón. Cho thuê nhà ở. Mua bán khẩu trang. Mua bán xe ô tô, xe mô tô, xe máy, vải, hàng may mặc, giày dép, quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, thiết bị điện tử viễn thông – điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bổ sung kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi, thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in), thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (điều hoà không khí, lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, thiết bị vệ sinh), thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng. Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn xây dựng. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán). Đại lý dịch vụ bưu chính - viễn thông (trừ đại lý truy nhập internet). Kinh doanh bất động sản./.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định như sau : Hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền, vật tư theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung, tái phát hành cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền :	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.938.760.833	1.481.225.559
Tiền gửi ngân hàng	10.905.793.624	18.129.687.936
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	10.091.666.667	-
Cộng	22.936.221.124	19.610.913.495
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	57.374.636.000	74.481.816.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.794.929.000)	(7.039.711.600)
Cộng	48.579.707.000	67.442.104.400

Ghi chú: Mệnh giá của các Cp trên là 10.000 đồng/ Cp.

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm :

Loại cổ phiếu	31/12/2010		01/01/2010	
	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Số cổ phần	Giá trị đầu tư
Công ty Cp Cà phê Petec	43.800	444.000.000	43.800	444.000.000
Công ty Cp TM-KT và Đầu tư Petec - Hà Nam Ninh	26.990	272.599.000	26.990	272.599.000
Công ty Cp Bến xe Miền tây	44.300	775.250.000	44.300	775.250.000
Công ty Cp XNK Thủ Đức (TMC)	264.752	5.775.685.000	132.376	4.782.865.000
Công ty Cp Cơ khí ô tô Cần Thơ	200.000	2.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cp Cơ Khí Xăng dầu (PMS)	101.110	3.231.305.000	101.110	3.231.305.000
Công ty Cp Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	321.000	18.189.500.000	214.000	18.189.500.000
Công ty Cp Cơ khí Lữ Gia (LGC)	275.790	7.019.997.000	275.790	7.019.997.000
Công ty Cp Thương Nghiệp Cà Mau	196.350	3.450.000.000	150.000	3.450.000.000
Công ty Cp Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	162.000	6.169.700.000	81.000	6.169.700.000
Công ty CP Kinh Doanh Dầu Quốc tế (PVOT)	-	-	160.000	1.600.000.000
Công ty Cp DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	3.720	46.600.000	3.720	46.600.000
Công ty CP Vận Tải Việt Tín	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cp Quê Hương Liberty	-	-	500.000	17.500.000.000
Cộng		57.374.636.000		74.481.816.000

Ghi chú: Mệnh giá của các Cp trên là 10.000 đồng/ Cp.



3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	31.248.428	31.248.428
Phải thu tiền lãi đã chi trả cho cổ đông	145.840.170	145.840.170
Phải thu TCT cơ khí GTVT Sài Gòn SAMCO (vốn nhà nước khi CPH)	870.979.070	870.979.070
Phải thu khác	1.335.694.000	506.939.536
Cộng	2.383.761.668	1.555.007.204
4. Hàng tồn kho :	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	50.078.946.713	148.949.765.610
Nguyên liệu, vật liệu	462.915.214	18.079.526
Công cụ, dụng cụ	91.046.250	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	231.504.893	3.368.472.683
Hàng hóa	33.153.576.940	23.225.652.281
Cộng giá gốc hàng tồn kho	84.017.990.010	175.561.970.100
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(693.831.534)	(705.060.608)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	83.324.158.476	174.856.909.492
5. Tài sản ngắn hạn khác :	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng xây dựng Tổng kho xăng dầu COMECO	1.019.581.763	506.611.776
Tạm ứng công trình cao ốc COMECO	4.116.168.811	2.934.421.835
Tạm ứng công trình trạm XD Xuân Lộc - Tín Nghĩa	627.952.620	773.532.485
Tạm ứng công trình trạm XD Bầu Hàm	276.955.412	276.955.412
Các khoản tạm ứng khác	676.818.914	521.316.998
Cộng	6.717.477.520	5.012.838.506

Ghi chú:

Công trình trạm xăng dầu Xuân Lộc – Tín Nghĩa, trạm xăng dầu Bầu Hàm đã hoàn thành và đã xuất hóa đơn một phần giá trị công trình, giá trị còn lại sẽ quyết toán trong quý I/2011.

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	25.392.725.655	10.601.021.814	15.565.926.735	1.457.130.224	53.092.776.438
Số tăng trong năm	89.138.947.423	152.848.690	1.990.127.271	-	92.522.815.911
- Mua trong năm	566.809.468	152.848.690	1.990.127.271	-	3.950.677.956
- Đầu tư XD CB hoàn thành (*)	88.572.137.955	-	-	-	88.572.137.955
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	114.531.673.078	12.070.735.041	17.556.054.006	1.457.130.224	145.615.592.349
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.255.570.166	9.927.944.544	8.902.000.447	1.267.987.836	32.353.502.993
Khấu hao trong năm	2.433.731.018	383.175.400	1.233.343.992	68.831.959	4.119.082.369
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.689.301.184	10.311.119.944	10.135.344.439	1.336.819.795	36.472.585.362
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.137.155.489	749.049.280	6.663.926.288	189.142.388	20.739.273.445
Tại ngày cuối năm	99.842.371.894	1.759.615.097	7.420.709.567	120.310.429	109.143.006.987

Ghi chú: - (*) Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành là Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo giá trị tạm tính căn cứ vào giá trị thực tế tại thời điểm 31/12/2010 để làm cơ sở trích khấu hao tính vào chi phí trong năm. Giá trị chính thức sẽ được ghi nhận khi quyết toán công trình hoàn thành.

- (**) Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.406.003.692 đồng



**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :**

Đơn vị tính: VND

		Quyền sử dụng đất
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		12.874.584.020
Mua trong năm		9.626.000.000
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		22.500.584.020
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		1.692.519.158
Hao mòn trong năm		440.844.065
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		2.133.363.223
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		11.182.064.862
Tại ngày cuối năm		20.367.220.797

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công trình cửa hàng xăng dầu số 29	5.141.292.903	4.445.228.082
Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - Đồng Nai	58.008.294.043	18.352.139.132
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 31	-	137.274.558
Toà nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ	-	56.858.882.216
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 33	-	9.872.100.000
Chi phí xây dựng dở dang khác	2.027.905.140	1.117.261.902
Cộng	65.177.492.086	90.782.885.890

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí tiền thuê mặt bằng trả trước	4.158.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	4.158.000.000	-

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	24.700.000.000	59.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	24.700.000.000	59.000.000.000

(*) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 2564.2010/CMC/TDHM ngày 30/12/2010. Thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất vay là 15.7% năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	606.379.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.097.939.868	11.242.944.338
Thuế thu nhập cá nhân	309.705.541	883.979.312
Thuế nhà đất	313.690.587	313.690.587
Các loại thuế khác	691.750.971	1.649.928.523
Cộng	4.413.086.967	14.696.922.641

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	101.442.373
Nhựa đường OECF	1.763.893.577	1.763.893.577
Phải trả cho Trần Đoàn Anh Tuấn	-	3.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.691.917.372	2.916.825.209
Cộng	4.455.810.949	8.582.161.159

13. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn khác (*)		
Nợ dài hạn	4.011.009.806	5.058.102.662
Cộng	-	-
	4.011.009.806	5.058.102.662

(*) Vay dài hạn đối tượng khác là khoản tiền tài trợ của ESSO, công ty dùng để đầu tư tài sản và nâng cấp các trạm xăng dầu. Khoản tiền này được giảm hàng năm để tăng vốn theo công văn số 5565/UB-QLĐT ngày 24/12/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và công văn số: 1765/CQL ngày 26/12/1996 của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền tăng vốn tương ứng với khấu hao các tài sản đầu tư hàng năm.

14. Vốn chủ sở hữu :

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU (*)	CỔ PHIẾU QUỸ (**)	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI
Số dư đầu năm trước	86.120.000.000	158.037.574.134	15.145.085.751	11.342.703.700	28.594.611.280	3.393.141.750	8.945.795.938
Lãi trong năm trước							63.223.836.892
Phát hành thêm cổ phiếu	1.720.000.000	1.032.000.000					
Trích các quỹ từ lợi nhuận						972.670.000	(2.918.010.000)
Chia cổ tức năm 2008 (3%)							(2.482.492.500)
Tăng từ mua cổ phiếu quỹ				6.658.374.600			
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.039.256.736				
Giảm khác							(1.818.000.000)
Số dư cuối năm trước	87.840.000.000	159.069.574.134	16.184.342.487	18.001.078.300	28.594.611.280	4.365.811.750	64.951.130.330
Lãi trong năm nay							36.918.675.273
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.525.050.000						(7.525.050.000)
Thưởng cổ phiếu	45.841.230.000	(20.841.230.000)					(25.000.000.000)
Chia cổ tức năm 2009							(9.197.281.500)
Tạm ứng cổ tức 2010							(8.250.525.000)
Trích các quỹ					6.322.384.000	1.264.476.000	(13.909.244.000)
Mua cổ phiếu quỹ				106.076.400			-
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.047.092.856				-
Thù lao HĐQT và BKS							(326.400.000)
Thưởng cổ phiếu quỹ cho CBCNV				(3.161.000.000)			(1.928.925.000)
Trích quỹ hoạt động của Ban TGD							(774.000.000)
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	138.228.344.134	17.231.435.343	14.946.154.700	34.916.995.280	5.630.287.750	34.958.380.103

Ghi chú : - (*) Vốn khác của chủ sở hữu gồm nguồn quỹ đầu tư phát triển, nguồn tài trợ của ESSO.
- (**) Cổ phiếu quỹ của Công ty : Số lượng 369.753 cổ phiếu (tương đương 14.946.154.700 VND)



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2010	%	01/01/2010	%
	VND		VND	
Vốn góp của Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (Saigon Petro)	27.446.200.000	19,44	16.786.700.000	19,11
Vốn góp của các đối tượng khác	113.760.080.000	80,56	71.053.300.000	80,89
Cộng	141.206.280.000	100,00	87.840.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	87.840.000.000	86.120.000.000
Vốn góp tăng trong năm	53.366.280.000	1.720.000.000
Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	87.840.000.000

d) Cổ phiếu :	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	8.784.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.120.628	8.784.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	8.784.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	369.753	422.835
- Cổ phiếu phổ thông	369.753	422.835
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.750.875	8.361.165
- Cổ phiếu phổ thông	13.750.875	8.361.165

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	3.616.801.420.380	2.821.219.829.270
Doanh thu bán hàng	3.603.284.313.235	2.809.861.894.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.027.487.145	11.357.934.860
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.489.620.000	-
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	3.461.059.597.906	2.649.939.066.021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.068.289.411	8.159.122.249
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	3.412.268.876	-
Cộng	3.469.540.156.193	2.658.098.188.270
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.052.713.527	6.882.603.425
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.814.759.000	2.789.331.600
Lãi bán cổ phiếu	1.691.809.609	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.505.723	307.120.000
Cộng	7.570.787.859	9.979.055.025
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.456.802.538	1.473.635.622
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.755.217.400	(11.132.393.000)
Chi phí tài chính khác	404.092	-
Cộng	3.212.424.030	(9.658.757.378)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.619.980.698	84.298.187.641
Các khoản điều chỉnh	(1.814.759.000)	(784.646)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	2.788.546.954
- Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	1.814.759.000	2.789.331.600
Tổng lợi nhuận tính thuế	46.805.221.698	84.297.402.995
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.701.305.425	21.074.350.749

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.918.675.273	63.223.836.892
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.918.675.273	63.223.836.892
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.687.953	13.670.505
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.697	4.625

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu.



7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.813.267.077	8.635.684.015
Chi phí nhân công	52.287.303.514	58.706.062.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.559.926.434	4.848.145.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.474.900.920	22.809.308.330
Chi phí khác	23.932.538.784	21.376.876.991
Cộng	108.067.936.729	116.376.077.167

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2009	Số liệu tại ngày 31/12/2009 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	118.877.802.559	122.158.911.881	3.281.109.322
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.281.109.322	3.281.109.322
Vốn chủ sở hữu	346.285.501.003	343.004.391.681	(3.281.109.322)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.281.109.322	-	(3.281.109.322)

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng

Phạm Công Quyền

Tổng giám đốc



Trương Đức Hạnh

**HỆ THỐNG CHI NHÁNH CỬA HÀNG XĂNG DẦU COMECO**

SỐ TT	CHI NHÁNH	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN THOẠI
1	Chi nhánh số 1	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10, TP. HCM	38 359 704
2	Chi nhánh số 3	178/9 M Điện Biên Phủ, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	38 994 332
3	Chi nhánh số 4	46 Lê Quang Sung, Phường 2, Quận 6, TP. HCM	39 693 884
4	Chi nhánh số 6	710 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, TP. HCM	36 691 767
5	Chi nhánh số 7	49 Trường Chinh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM	38 490 097
6	Chi nhánh số 8	917 đường 3/2, Phường 7, Quận 11, TP. HCM	38 550 466
7	Chi nhánh số 9	79 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, TP. HCM	38 645 289
8	Chi nhánh số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907
9	Chi nhánh số 12	28 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.HCM	38 756 890
10	Chi nhánh số 14	450 Kinh Dương Vương, An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM	38 750 029
11	Chi nhánh số 15	526 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM	38 750 038
12	Chi nhánh số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, TP. HCM	39 316 365
13	Chi nhánh số 17	70 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	39 854 761
14	Chi nhánh số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP. HCM	38 291 339
15	Chi nhánh số 19	16/6 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	37 733 164
16	Chi nhánh số 20	667A, Quốc lộ 1A, Khu ph 3, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479
17	Chi nhánh số 21	12A Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014
18	Chi nhánh số 22	17/5 Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006
19	Chi nhánh số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM	38 474 522
20	Chi nhánh số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	072 3779 913
21	Chi nhánh số 25	26 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	37 523 952
22	Chi nhánh số 26	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Huyện Nhà Bè , TP.HCM	37 828 493
23	Chi nhánh số 27	3/40G Dương Công Khi, ấp Nhị Tân 1, xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961
24	Chi nhánh số 29	318 Hương lộ 80, Phường Bình Hưng Hòa B Quận Bình Tân, TP.HCM	37 655 868
25	Chi nhánh số 30	22 Hương lộ 2, xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP.HCM	37 905 836
26	Chi nhánh số 31	439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014
27	Chi nhánh số 32	209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, TP.HCM	39 557 925
28	Chi nhánh số 33	836 Quốc lộ 1A, ấp Ngũ Phúc, xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	061 2660 919
29	Chi nhánh số 34	D11/6Q Quốc lộ 1A, phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM	37 505 046
30	Chi nhánh số 35	Km 152, Quốc lộ 20, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Da Huoi, Tỉnh Lâm Đồng	
31	Chi nhánh số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	



HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO

(Trang trí theo thiết kế của COMECO)

SỐ TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	DNTN TM Võ Thị Loan	Ấp 2, Xã Hòa Phú, Huyện Củ Chi, TP.HCM
2	DNTN TM Hải Sơn Lâm	124/9C Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
3	DNTN Nguyễn Văn Sáu	Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
4	Cty TNHH MTV Bàu Sen	Ấp 3, Bàu Sen, Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
5	DNTN Trạm XD Long An	QL51, Ấp 1, Xã Long An Huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
6	DNTN TM Quang Mẫn	256 QL13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
7	DNTN TM An Nhơn Tây	Ấp Xóm Mới, Xã An Nhơn Tây, Huyện Củ Chi, TP.HCM
8	DNTN TM Thanh Quan	113 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
9	CTY Mỹ Anh - Trạm XD GAS Tuyết Anh	822/1 Hương lộ 2, Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân, TP.HCM
10	DNTN TM Gò Dưa	570 – 572 Kha Vạn Cân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM
11	DNTN TM Huỳnh Khang	A7/15K Trần Đại Nghĩa, Ấp 1, Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
12	CTY TNHH XD Lê Tuấn Anh	344A Tân Hòa Đông, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP.HCM
13	CTY TNHH TM Việt Kim	Ấp Bình Đường 1, Xã An Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
14	DNTN Tùng Bách	Ấp Vĩnh Phước, Xã Phước Lý, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
15	CN CTY TNHH TM Mỹ Anh - CX Mỹ Anh 1	Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
16	CTY TNHH XD Thanh Bình	948 Tân Kỳ Tân Quý, KP 5, Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM
17	DNTN Trang Khoa	Bến Đình, Tỉnh lộ 319, Xã Phú Đông, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
18	CN CTY TNHH TM DV VT Lộc Thành Tài	282 Tỉnh lộ 8, Ấp 2, Xã Tân Thạnh Tây, Huyện Củ Chi, TP.HCM

HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO

(Chưa trang trí theo thiết kế của COMECO)

SỐ TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc	Lô A59/1, Đường 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM
2	HTX Xe Du lịch & Vận tải số 4 - Trạm XD Phú Định	01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP.HCM
3	CTY TNHH Âu Cơ	617A Âu Cơ, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
4	DNTN Nghĩa Phát	537, Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM
5	CTY CP Cảng Tôn Thất Thuyết	42 Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP.HCM
6	DNTN Tân Vạn An	66 Ấp 3, Xã Tân Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
7	CTY Cp Hóa chất VL Điện TP.HCM	452 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP.HCM
8	DNTN TM DV Hạnh Thủy	Ấp Chánh, Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM
9	HTX Xe Du lịch & Vận tải số 4	131 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 16, Quận 11, TP.HCM
10	DNTN Nguyệt Trang Cường	61 Đại lộ Trường Sơn, Tam Hải, Tam Bình, Quận Thủ Đức, TP.HCM
11	CTY TNHH Phước Hào	Ấp Bà Nghĩa, Tân Chánh, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
12	DNTN Hải Sơn Lâm CN Nguyễn Đình Chiêu	31 Nguyễn Đình Chiêu, Phường 1, TP Tân An, Tỉnh Long An



Bà Nguyễn Như Thủy, Phó GD Sở nội vụ - Trưởng Ban Thi đua khen thưởng TP.HCM trao
Cờ Truyền thống của UBND Tp.HCM cho COMECCO
nhân dịp Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty (13/12/1975 – 13/12/2010);
10 năm CPH Doanh nghiệp (13/12/2000 – 13/12/2010)



Ông Trần Thế Lưu, Ủy viên Thường vụ Thành ủy - Chánh văn phòng –
Bí thư Đảng ủy cơ quan văn phòng Thành ủy
tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh cho lãnh đạo Công ty COMECCO



Nhân dịp Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty (13/12/1975- 13/12/2010);
10 năm CPH Doanh nghiệp (13/12/2000 – 13/12/2010),
Bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT – TGD Công ty
trao tiền ủng hộ Quỹ vì người nghèo Tp.HCM



Bà Trương Đức Hạnh, Chủ tịch HĐQT – TGD COMECO phục vụ khách hàng trong
“Chương trình Ban lãnh đạo và Người lao động COMECO phục vụ khách hàng”
nhân ngày thành lập COMECO từ 10h10 đến 10h45 ngày 13/12/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO)
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

549 Điện Biên Phủ - Phường 3 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 38 321 111 - 38 302 222 - 38 303 222

Fax: (84.8) 38 325 555

Email: comecopetro@hcm.vnn.vn

Website: www.comeco.com.vn